

VỀ KẾT CẤU KÉP Ở TRUNG TÂM CỦA TRUYỀN THUYẾT HỆ THẦN LIỄU HẠNH QUA KHẢO SÁT THẦN TÍCH ĐỆ TAM TIÊN CHÚA ĐƯỢC PHỤNG THỜ Ở NGÀ SƠN VÀ NGHĨA HƯNG

Chu Xuân Giao*

*Tam thế luân hồi, vu Vĩ Nhuế vu Vân Cát vu Nga Sơn, ngũ bách dư niên
quang thực lục.*

(Một vế trong câu đối dâng Phủ Tiên Hương vào năm 1853 của Tổng đốc Thanh Hóa Lê Hy Vĩnh; cũng được chép trong sách *Cát thiên tam thế thực lục* bản in khắc gỗ năm 1913).

Sinh hóa suốt ba phen, trịnh hiếu gương treo miền quận Bắc,

Tinh thần năm trăm lẻ, anh linh bóng rọi chốn thành Nam.

(Câu đối viết bằng chữ Nôm của Hội Đào Chi ở Huế khắc ở lăng mẫu Liễu Hạnh tại Phủ Giầy - vào năm 1938, khi hội hoàn tất việc xây dựng lăng. Tương truyền lăng mẫu có liên quan tới việc cầu tự của vua Bảo Đại triều Nguyễn).

Lời mở: Đi về giữa hai miền Nga Sơn và Nghĩa Hưng

Hai địa danh “Nga Sơn” (Thanh Hóa) và “Nghĩa Hưng” (Nam Định), trong các nghiên cứu mới gần đây, được chỉ ra là hai vùng đất cơ bản trong hệ thống truyền thuyết *tam thế luân hồi* (hay *tam độ hóa sinh*, *tam thế giáng sinh*) của Mẫu Liễu (Bà chúa Liễu Hạnh, chúa Liễu, công chúa Liễu Hạnh). **Nghĩa Hưng** 義興 là “phủ Nghĩa Hưng” thuộc trấn Sơn Nam (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay). **Nga Sơn** 義山 là “huyện Nga Sơn” thuộc phủ Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

Nghĩa Hưng ở vùng Sông Đáy, gần với hai lần giáng sinh đầu trong truyền thuyết. Lần thứ nhất là xuống làng **Vĩ Nhuế** ở huyện Đại An (nay quen gọi là Phủ Nấp ở huyện Ý Yên). Lần thứ hai là xuống làng **Vân Cát** ở huyện Thiên Bản (nay quen gọi là Phủ Giầy/Dầy ở huyện Vụ Bản). Về mặt hành chính thì hai huyện Đại An và Thiên Bản vốn đều nằm trong cùng một phủ Nghĩa Hưng.⁽¹⁾ Nghĩa Hưng là một địa danh quen thuộc, thường xuất hiện trong dòng thơ quốc âm hay trong văn châu liên quan đến sự tích Mẫu Liễu giáng trần, khi là “miền Nghĩa Hưng” (trong sách *Cát thiên tam thế thực lục*), khi là “phủ Nghĩa Hưng” hay “Nghĩa Hưng - Thiên Bản” (trong sách *Chư vị văn châu*).⁽²⁾

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Còn **Nga Sơn** ở vùng Sông Lèn (một trong ba nhánh chính ở phía bắc của Sông Mã trước khi đổ ra biển⁽³⁾), dù gắn với lần giáng sinh thứ ba của thánh mẫu, thì ngày nay là một cái tên chưa quen, thậm chí có thể còn là xa lạ ngay cả với tín đồ của tín ngưỡng tứ phủ. Một cái tên đã bị lãng quên.

Nga Sơn là địa danh cấp huyện, vốn từng xuất hiện không ít lần trong cặp ba *Vĩ Nhuế - Vân Cát - Nga Sơn* trên hệ thống hoành phi câu đối do các văn nhân của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX dâng tiến đền phủ thuộc miền Nghĩa Hưng. Chẳng hạn, như thấy trong một lời đề từ của bài viết này, là ở câu đối dâng năm 1853 cho Phủ Tiên Hương của ông quan Lê Hy Vĩnh - lúc đó đương là Tổng đốc Thanh Hóa [Chu Xuân Giao 2010: 110-111, 128-129]. Còn địa danh trực tiếp, nơi giáng sinh, là làng/xã **Tây Mỗ** hay **Tây Mộ** 西姥 thuộc tổng Phi Lai huyện **Nga Sơn** (có khi là huyện Tống Sơn, do thay đổi địa lý) phủ Hà Trung trước đây. Tây Mỗ nay là thôn Bùi Sơn xã Hà Thái huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa. Làng Tây Mỗ xưa và thôn Bùi Sơn ngày nay cũng như những nơi lưu dấu chân tích của Mẫu Liễu, vừa là một nơi phong cảnh hữu tình, có đồng ruộng màu mỡ được bao quanh bởi đồi núi thoai thoải và sông hồ lớn, lại vừa tiện giao thông (rất gần quốc lộ 1A và tuyến đường sắt bắc nam, chỉ cách huyện lỵ Hà Trung khoảng bốn cây số).⁽⁴⁾

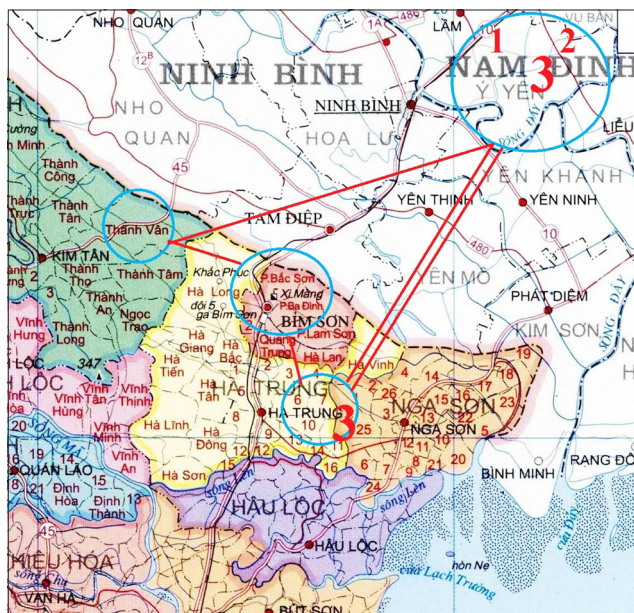
Khởi phát từ gợi ý, rồi trở thành thôi thúc, của những tư liệu liên quan đan chéo nhau hiện còn thấy tại Nghĩa Hưng (ở cả Phủ Nấp với lần giáng sinh thứ nhất, và Phủ Giày với lần giáng sinh thứ hai), chúng tôi bắt đầu đến Nga Sơn từ tháng 4 năm 2011.⁽⁵⁾ Thế rồi, kết quả điều tra điền dã tại làng Tây Mỗ vốn có ngôi Phủ Tây Mỗ (hay Phủ Mỗ) bề thế, và mở rộng ra cả vùng huyện Nga Sơn trước đây, lại đưa chúng tôi đi ngược ra Nghĩa Hưng. Qua tư liệu xác thực và nhiều cuộc phỏng vấn trực tiếp, lần đầu tiên, chúng tôi đã phát hiện ra mối liên đới đặc biệt giữa **Phủ Tây Mỗ** ở Nga Sơn với **Phủ Giáp Ba** ở Nghĩa Hưng.

Phủ Giáp Ba thuộc xã Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ huyện Thiên Bản/Vụ Bản trước đây (nay thuộc xóm Phủ thôn Giáp Ba xã Quang Trung huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định), vốn là một ngôi phủ lớn nằm ngay bên cạnh **Phủ Giày**. Cuộc đời trần thế của thánh mẫu ở lần giáng sinh thứ ba, hay của *Đệ tam tiên thánh Hoàng thị Quế Hoa công chúa* (sau là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*), gắn kết hai nơi cách xa như vậy lại với nhau: Tây Mỗ (Thanh Hóa) là nơi giáng sinh vào gia đình họ Hoàng; còn Giáp Ba (Nam Định) vừa là quê của phu quân mang họ Mai, vừa là nơi thánh mẫu hóa (vào ngày 9 tháng 3 âm lịch, đến nay còn lăng mộ). Đặc biệt, tuy từ rất lâu giữa hai bên không còn có giao lưu hay thông tin về nhau nữa, nhưng hiện tại, họ Hoàng ở Tây Mỗ và họ Mai ở Giáp Ba đều đang đồng thời lưu được hai cuốn phả chữ Hán có nội dung gần như khớp nhau (trong họ Hoàng ở Tây Mỗ có lưu truyền câu chuyện về họ này vốn gốc Mạc). Có lẽ chúng vốn cùng có chung một nguồn đầu tiên [Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 1, 2, 3]. Vượt qua

được bình hòa của chiến tranh, nhưng vào thời kỳ bài trừ mê tín dị đoan, hai ngôi phủ lớn là Tây Mỗ và Giáp Ba đều đã bị hạ giải hầu như toàn bộ (cùng thời gian, Phủ Nấp ở Vi Nhuế gắn với lần giáng sinh đầu tiên thì bị san phẳng rồi đào thành ao cá của hợp tác xã). Thực trên quý là, sau bao nhiêu dâu bể, ngọc phả chữ Hán ở Tây Mỗ và Giáp Ba vẫn còn được lưu giữ tương đối nguyên vẹn. Thêm nữa, tại khuôn viên Phủ Giáp Ba đang được trùng tu tôn tạo, may mắn còn giữ được 3 tấm bia nguyên vật của thời Nguyễn góp phần làm rõ thêm về cuộc đời trần thế đi và về giữa hai miền Nga Sơn và Nghĩa Hưng của thánh mẫu.

Ở ngay bên cạnh với Giáp Ba và Phủ Giáp Ba, vốn cùng tổng Bảo Ngũ trước đây và cùng trong xã Quang Trung huyện Vụ Bản ngày nay, là xóm Bất Di với Phủ Bất Di. **Phủ Bất Di** (một cách viết khác là “Bất Gi”), còn gọi là Phủ Dinh, bị phá hoại bởi chiến tranh từ thập niên 1950,⁽⁶⁾ nay đang được kiến thiết lại. Một số tư liệu hiện còn giữ được của Phủ Bất Di (các đạo sắc nguyên vật vốn gửi một thời gian dài ở chùa Trúc, tư liệu do hương lý khai năm 1938...) cho thấy, Bất Di cũng thờ vị thánh mẫu chung cho cả Phủ Tây Mỗ và Phủ Giáp Ba.

Vậy là, trong tư cách nhà nghiên cứu lần theo những dấu tích của thánh mẫu, vốn như thấy trong hành trạng cuộc đời trần thế của bà, chúng tôi đã đi và về giữa hai miền đất Nghĩa Hưng và Nga Sơn.



Lược đồ 1 : Lược đồ về 3 nơi Mẫu Liễu giáng sinh theo truyền thuyết (1-Vi Nhuế, 2-Vân Cát, 3- Bảo Ngũ và Nga Sơn).⁽⁷⁾

Nghĩa Hưng ở đây, bây giờ không chỉ là **Phủ Nấp** và **Phủ Giây** (Tiên Hương, Vân Cát), mà là cả **Phủ Giáp Ba** và **Phủ Bất Di**. Nói đúng hơn, với lần giáng sinh thứ ba, Phủ Giáp Ba cùng Phủ Bất Di và từ đường dòng họ Mai chính là ở vào vị trí trung tâm. Rút cục, cả ba lần giáng sinh của thánh mẫu trong truyền thuyết, đều trước sau gắn bó với miền đất Nghĩa Hưng (xem *Lược đồ 1*).

Còn với Nga Sơn, như sẽ trình bày tiếp theo, **Phủ Tây Mỗ** và **dòng họ Hoàng** ở vào vị trí trung tâm. Ngoài ra, còn có những điểm có quan hệ xa gần trong dòng họ

Hoàng hay quan hệ thờ tự khác, như gia đình họ Nguyễn Hoàng ở xóm Nga Châu (xã Hà Châu huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa), đền thánh mẫu ở Nga Châu,....

Với mỗi đền phủ ở hai miền Nghĩa Hưng và Nga Sơn trong cuộc đời trần thế lần thứ ba của thánh mẫu, cần thiết có những nghiên cứu chuyên biệt. Ở đây, với cách nhìn tổng quan, lại do giới hạn về khuôn khổ, trình bày và phân tích của chúng tôi đối với các tư liệu mới dừng ở mức khái lược hay giới thiệu bước đầu.

1. Ngọc phủ trên giấy cùng tìm thấy ở cả Nga Sơn và Nghĩa Hưng

Ngôi đền cũ thờ thánh mẫu của làng Tây Mỗ, vốn được quen gọi là “đền Tây Mỗ” hay “Phủ Tây Mỗ” (hoặc “Phủ Mỗ”), đã bị hạ giải từ đầu thập niên 1960, hầu như không còn sót lại bất cứ di vật nào.

Theo hồi cổ của các lão niên, đền cũ là một tòa kiến trúc bề thế gồm ba cung nằm ở chân một ngọn núi nhỏ thuộc dãy núi Giăng Hạc thuộc phía tây của làng Tây Mỗ. Đền có tam quan uy nghi, nay trong dân vẫn còn truyền tụng câu ca: “Lên đền Tây Mỗ mà coi//Tam quan làm rõ thật là khéo tay”. Hai cung gồm *Đệ nhị* (cung *Tứ phủ*) và *Đệ tam* (cung *Hội đồng*) nằm ở phía trước, có treo nhiều mũ nón, đèn lồng, tàn lọng và kiệu gổ. Cung *Đệ nhất*, tức cung cấm, nằm ở phía sau cùng, cách cung Đệ nhị khoảng 5m. Khoảng giữa hai cung này có trồng hoa, hai bên giải vũ có mái che. Trong cung cấm có tượng thánh mẫu bằng gỗ cỡ nhỏ (đại khái “bằng đứa con nít ba bốn tuổi”).⁽⁸⁾

Mấy chục năm nền đền cũ bị bỏ hoang, đôi khi một nhóm các bà các cô trong xóm ngoài làng đến lập một ban thờ lộ thiên với bát hương thì chẳng lâu sau đó cũng bị chính quyền sở tại đề nghị dọn đi. Mãi đến cuối thập niên 1990, được sự đồng ý của phía chính quyền, nhân dân địa phương mới có điều kiện bắt đầu triển khai việc tái thiết ngôi phủ trên một phần diện tích nền cũ. Từ năm 2004, ông Bùi Văn Ba (sinh năm 1960) và gia đình tới làm nhà bên cạnh đền, trở thành người thủ từ chính thức hiện tại.

Lần đầu tiên chúng tôi đến Phủ Tây Mỗ là vào hạ tuần tháng 4 năm 2011. Khi đó, chính điện của ngôi đền tái thiết được khánh thành vào năm 2003 (theo lời người thủ từ) còn là một tòa nhà gạch nhỏ gồm ba gian và hẹp lòng, có câu đầu ghi bằng chữ Hán là *Cộng hòa xã hội Việt Nam ngũ thập thất tuế* (Cộng hòa xã hội Việt Nam năm thứ 57). Tuy nhỏ, bài trí bên trong vẫn có gian tiền tế và gian hậu cung. Hậu cung gồm ba ban: ở giữa là Mẫu (thủ từ gọi là “Quỳnh Hoa công chúa”), bên phải là Phật Bà thiên thủ thiên nhãn, bên trái là Địa mẫu. Gian tiền tế có ban công đồng ở giữa, phải là ban châu, trái là ban Đức Thánh Trần (xem *Ảnh 1*). Ngoài tòa chính điện, còn có một số hạng mục khác đang được triển khai (động sơn trang, các điểm thờ ngoài trời,...). Từ cuối năm 2011, nhận được công đức của các nơi, đặc biệt là của một số gia đình đệ tử ở Hà Nội, chính điện tiếp tục được trùng tu, mở rộng.

Từ khi tòa chính điện của Phủ Tây Mỗ được tái thiết, nhân dân sở tại cũng đã khôi phục lại lễ rước kiệu từ Phủ về từ đường họ Hoàng trong thời gian giỗ thánh



Ảnh 1: Chính điện Phủ Tây Mỗ (tái thiết) ở thời điểm tháng 5 năm 2011.⁽⁹⁾

mẫu hàng năm (từ ngày 7 đến ngày 10 tháng Ba âm lịch).

Từ đường họ Hoàng còn được gọi là “nhà thờ Đệ tam thánh mẫu Hoàng tộc”, chỉ cách Phủ Tây Mỗ khoảng một cây số. Các vị cao niên trong dòng họ Hoàng cho biết, trước năm 1945, từ đường họ có quy mô tương đối lớn, thường xuyên đón tiếp khách thập phương đến từ các tỉnh thành cả nước (Huế, Nam Định, Hà Nội, Ninh

Bình, Lạng Sơn,...), nhộn nhịp nhất là vào dịp tháng Ba âm lịch. Từ đường có dành ba gian nhà khách làm chỗ nghỉ chân cho họ. Có nhiều đoàn tín đồ quen đến làm lễ ở từ đường họ Hoàng trước rồi mới sang Phủ Tây Mỗ.

Qua dâu bể đổi thay, ngày hôm nay, từ đường họ Hoàng mới được xây cất lại sau một thời gian dài bị hư hại. Không có bất cứ tư liệu liên quan gì còn được lưu giữ. Gia phả họ Hoàng bằng Quốc ngữ hiện thấy chỉ là văn bản được viết ra trong thời gian gần đây, mà trọng tâm là thể thứ những đời hiện tại [Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 1]. Ban thờ chính ở bên trong từ đường, gồm bốn lớp mang tính tích hợp, có thể do hiện nay còn thiếu không gian bài trí. Tính từ dưới lên gồm các lớp sau: 1. Hạ ban thờ ngũ hổ và bạch xà; 2. Công đồng và bản đền (hai bát hương); 3. Thánh mẫu và hai vị hầu cận (ba bát hương); 4. Tổ họ Hoàng (một bát hương). Ở lớp thứ 3, là lớp thờ Đệ tam thánh mẫu và hai vị hầu cận, có một bức ảnh màu một pho tượng nữ được ép plastic rồi lồng trong khung kính, trên bức ảnh có choàng một tấm lụa đỏ. Đó là ảnh mới được làm gần đây (xem Ảnh 2 và Ảnh 3).

Như vậy, ở chính làng Tây Mỗ, gồm Phủ Tây Mỗ và từ đường họ Hoàng, hiện không còn bất cứ di vật hay tư liệu mang tính nguyên gốc nào liên quan đến hành trạng của Đệ tam thánh mẫu. Còn lại chỉ là những truyền ngôn không rõ ràng (có chứa nhiều điểm mâu thuẫn hay không khớp nhau giữa lời kể của các hậu duệ hay dân làng), và một ít tư liệu ghi chép sưu tầm mang tính cá nhân trong thời gian rất gần đây [Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12].

Tuy vậy, trong truyền ngôn, vẫn có được những thông tin mang tính gợi ý quan trọng, mà nhờ đó, chúng tôi lần tìm ra những manh mối ở các nơi khác vốn có quan hệ sâu sắc với Tây Mỗ. Cụ thể là hai thông tin sau. Thứ nhất, các vị cao niên trong dòng họ Hoàng ở Tây Mỗ có nhắc đến làng **Giáp Ba** ở Nam Định khi kể các sự tích liên quan đến thánh mẫu. Đặc biệt còn cho biết, người làng Giáp Ba đã xây lăng cho thánh mẫu, và ngày xưa, người từ khu vực Giáp Ba vẫn thường



Ảnh 2: Ban thờ chính bên trong từ đường (tái thiết) của họ Hoàng ở Tây Mỗ (5/2011).



Ảnh 3: Ảnh thờ trên ban thờ chính trong từ đường họ Hoàng ở Tây Mỗ.

xuyên đến thăm từ đường họ Hoàng. Tuy nhiên, do một thời gian rất dài đã mất hoàn toàn giao lưu, nên người ta chỉ nhớ được duy nhất cái tên Giáp Ba, mà không biết làng ấy nằm ở đâu, thuộc xã nào huyện nào trước đây.⁽¹⁰⁾ Thứ hai, có một nhánh họ Hoàng đã từ Tây Mỗ đi khai hoang và ở lại bên làng Nga Châu, hoặc “một ông thuộc ngành ông cả xuống lấy vợ ở Nga Châu”. Nga Châu là một làng thuộc xã Hà Châu cùng trong huyện Hà Trung ngày nay, cách Tây Mỗ khoảng hơn ba cây số. Quan trọng hơn cả là, khi chuyển đến Nga Châu, nhánh đó đã mang cả theo một tấm **bia đá**. Nội dung bia đá như thế nào thì không rõ, nhưng chắc có liên quan gì đó đến thánh mẫu. Người ở Tây Mỗ đã nhiều lần sang Nga Châu đề nghị cho chuyển lại về từ đường họ Hoàng hoặc Phủ Tây Mỗ, nhưng họ chưa đồng ý.

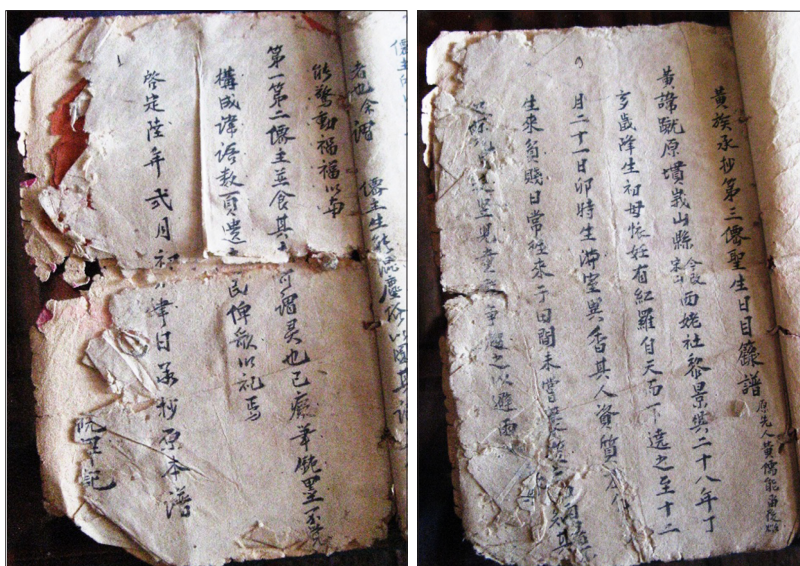
Nhờ có thông tin về bia đá nêu trên, và được dẫn đường bởi một người cháu trong họ Hoàng làng Tây Mỗ,⁽¹¹⁾ chúng tôi đã tìm được đến gia đình cụ Nguyễn Hoàng Thước (con trai là Nguyễn Hoàng Hồng)⁽¹²⁾ ở làng Nga Châu. Tại đây, chúng tôi phát hiện một bia đá mang niên đại Nhâm Ngọ - Cảnh Hưng 23 (1762) hiện được bảo quản trong nhà bia dựng trước sân. Bia đá có tiêu đề *Thùy huân bi 垂訓碑*, trên có nhắc đến địa danh “Nga Sơn Tây Mỗ/Tây Mụ 峩山西姥”. Đặc biệt, ngoài tấm bia này, gia đình còn lưu giữ được một tư liệu Hán Nôm mang tiêu đề *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả* 黄族承抄第三僊聖生日目錄譜 [Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 1]. Đây là tư liệu duy nhất còn lại ở Nga Sơn cho chúng ta biết những nét khái lược về hành trạng của Đệ tam tiên thánh vốn là người họ Hoàng ở Tây Mỗ.

Việc phát hiện *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả* ở Nga Châu có ý nghĩa quan trọng. Trong cuốn phả này, có mấy chỗ nhắc đến thôn Giáp Ba xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định như là nơi mà thánh mẫu đã tới cư trú một thời gian, rồi linh hóa. Chính nhờ vậy, từ Nga Châu ở Thanh Hóa, chúng tôi tiếp tục đến Giáp Ba ở Nam Định.

Sau một số lần trở đi trở lại Giáp Ba, chúng tôi được hậu duệ dòng họ Mai ở đây cho xem một số tư liệu Hán Nôm vốn được cất giữ cẩn mật bấy lâu nay, mà trọng tâm là tư liệu mang tiêu đề *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* 第三僊主玉譜 [Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 2, 3]. Thật tuyệt vời, *Hoàng tộc thừa sao phả* tìm thấy ở Nga Châu (Thanh Hóa) và *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* tìm thấy ở Giáp Ba (Nam Định), dù ở hai nơi cách nhau rất xa, người lưu giữ không còn bất cứ liên hệ nào trong hiện tại, nhưng về cơ bản là có nội dung giống nhau. Đối với quá trình tìm hiểu về hành trạng trong cuộc đời trần thế của Đệ tam thánh mẫu, hiện nay, đây là hai tư liệu có giá trị hàng đầu. Tiếp theo, chúng tôi giới thiệu khái lược về hai tư liệu ấy.

1.1. Ngọc phả tìm thấy ở Nga Sơn (họ Nguyễn Hoàng làng Nga Châu, một cuốn đóng chung hai tư liệu)

Từ đây trở xuống có thể gọi tắt là *Ngọc phả Nga Sơn*, còn tên đầy đủ của tư liệu như đã viết ở trên là *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả*. Bản gốc gồm 9 trang giấy dó viết chữ Hán bằng bút lông, khổ nhỏ, bìa ngoài màu đỏ, được đóng chỉ sơ sài, giấy đã nát nhiều nên một số chỗ bị mất chữ. Chữ viết chân phương dễ đọc (xem *Ảnh 4 a - b*).



Ảnh 4 a-b: Trang đầu (a-bên phải) và trang cuối (b-bên trái) của Ngọc phả Nga Sơn

Qua khảo sát văn bản, có thể thấy quá trình hình thành và bảo quản của *Ngọc phả Nga Sơn* như sau.

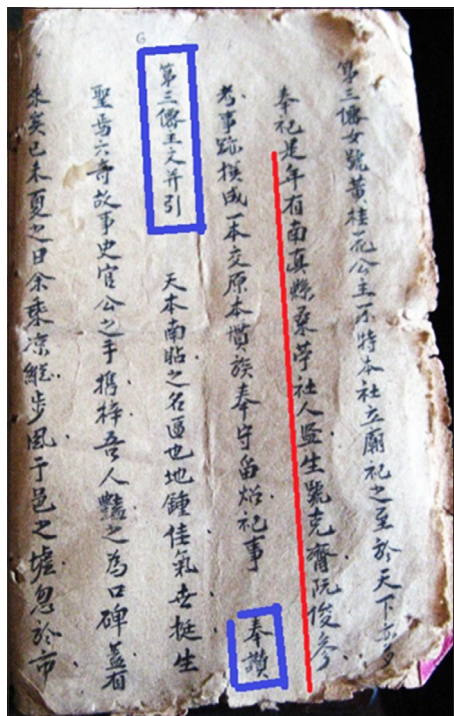
(1) Văn bản hiện thấy được một người có tên là Nguyễn Tất 阮畢 sao lại vào ngày 4 tháng 2 âm lịch năm Khải Định 6 (1921) từ một nguyên bản có trước đó.

(2) Nguyên bản mà Nguyễn Tất đã sao lại

vốn là bản do ông Hoàng Nho Năng 黃儒能 lưu giữ. Ở trang 1 của văn bản hiện thấy ghi dòng chú thích nhỏ như sau ở dưới dòng ghi tiêu đề: *nguyên tiên nhân Hoàng Nho Năng lưu hậu chiếu* (tạm dịch: nguyên là của ông Hoàng Nho Năng lưu lại để đối chiếu sau này).

(3) Bản mà Hoàng Nho Năng lưu giữ là do người có tên là Nguyễn Tuấn Tham 阮俊參 hiệu là Khắc Trai 克齋 biên soạn. Nguyễn Tuấn Tham là người xã Tang Trữ 桑葦社 huyện Nam Chân 南真縣 (tỉnh Nam Định - CXG) khi biên soạn

văn bản là Giám sinh. Đây chính là người đã có công khảo cứu về sự tích của Đệ tam thánh mẫu, biên soạn nên ngọc phả này. Đồng thời, có một bản ngọc phả được sao thêm ra và gửi cho bản quán của thánh mẫu ở Tây Mỗ để cùng thờ phụng.



Ảnh 5: Trang có thông tin về Nguyễn Tuấn Tham (người viết bài này có gia bút bằng đường kẻ màu đỏ) và mở đầu phần *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* trong ngọc phả Nga Sơn (đóng khung màu xanh).

mượn được ngọc phả Nga Sơn đang được lưu giữ tại gia đình họ Nguyễn Hoàng và có lược dịch trong dung lượng khoảng một trang A4 [Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 6: 6-7]. Tuy vậy, cần nói rõ thêm, là cho đến thời điểm năm 2011-2012, người làng Tây Mỗ đều chưa biết đến sự tồn tại của nguyên bản ngọc phả cũng như bản lược dịch nói trên, họ chỉ lưu tâm đến sự tồn tại của tấm bia đá trong sân nhà họ Nguyễn Hoàng (sẽ đề cập tiếp ở dưới).

Có thể tóm tắt hành trạng của Đệ tam thánh mẫu được ghi trong ngọc phả Nga Sơn là: sinh cuối năm Đinh Hợi (Cảnh Hưng 28, tính sang dương lịch là 1768), mất đầu năm Kỷ Mùi (Cảnh Thịnh 8, 1799), hưởng dương 33 tuổi. Cụ thể như sau:

(1) Bà có tên tục là **Thúc** 蹴, nguyên người họ Hoàng ở xã Tây Mỗ huyện Nga Sơn (sau đổi thành Tống Sơn), sinh vào cuối năm Đinh Hợi niên hiệu Cảnh Hưng 28 (ghi chi tiết là sinh giờ Mão ngày 21 tháng 12 âm lịch, nếu tính sang dương lịch sẽ là ngày 9 tháng 2 năm 1768).

Hiện chưa biết rõ Nguyễn Tuấn Tham đã hoàn thành ngọc phả vào thời gian nào. Trong nguyên bản thì có một chỗ ghi “năm đó có ông Giám sinh là Nguyễn Tuấn Tham hiệu Khắc Trai khảo cứu sự tích và soạn thành một văn bản”,⁽¹³⁾ lại một chỗ khác có ghi là “vào ngày hè năm Kỷ Mùi, tôi đi hóng mát, đến vùng Thiên Bản mà ngẫu nhiên nghe câu chuyện ở ngoài phố chợ từ những vị cao niên”.⁽¹⁴⁾ Năm Kỷ Mùi có thể là năm 1799. Nếu đúng, thì chính là năm Đệ tam thánh mẫu linh hóa (được ghi trong ngọc phả Nga Sơn). Cho nên, có thể tạm phỏng đoán, Nguyễn Tuấn Tham soạn ngọc phả chỉ sau khi thánh mẫu linh hóa vài tháng tại Nam Định. Thánh mẫu linh hóa vào dịp tháng 3 âm lịch, còn Nguyễn Tuấn Tham biên soạn sự tích vào khoảng tháng 6 âm lịch cùng trong năm 1799.

Vào năm 2003, khi biên soạn tập tư liệu sử dụng ở địa phương mang tiêu đề *Sự tích Thành hoàng Thánh mẫu có công làng Nga Châu thờ*, Ban sưu tầm biên tập của làng Nga Châu đã

(2) Từ lúc sinh đã có nhiều kỳ lạ, đặc biệt thời nhỏ có khả năng dự báo được mưa nắng rất tốt, và không bị mắc mưa nắng bao giờ. Người ở xung quanh biết bà không phải là người bình thường. Năm 16 tuổi (năm Nhâm Dần, tức năm 1782), bà được gả cho ông Mai Nho Bàng 枚儒旁 (họ Mai tên tự là Nho Bàng) ở xã Thạch Giản 石澗 tổng Thạch Giản cùng huyện.

(3) Bà tuy về làm dâu nhà họ Mai nhưng chỉ là phụ thê trên danh nghĩa, mà không chung chăn gối bao giờ.

(4) Ông họ Mai sau có xây nhà ở xã Bảo Ngũ huyện Thiên Bản trấn Sơn Nam (tỉnh Nam Định ngày nay - CXG), nên ông bà tới đó sinh sống. Từ xã Bảo Ngũ, bà thường tới nơi thờ Đệ nhất tiên nữ ở Tiên Hương.

(5) Đến năm 33 tuổi, tức năm Kỷ Mùi (1799), vào ngày ba tháng Ba âm lịch, sau khi khăn áo chỉnh tề, bà mật báo cho thị nữ biết mình là Hoàng Quế Hoa tiên nữ đệ tam ở thiên cung (nguyên văn là *Thiên cung đệ tam tiên muội Hoàng Quế Hoa*), đến ngày chín tháng Ba thì sẽ về trời.

(6) Đúng như lời, tới ngày chín tháng Ba [nếu tính sang dương lịch thì là ngày 13 tháng 4 năm 1799], bà chỉnh tề khăn áo rồi vào trong quan tài mà từ từ nằm xuống, bảo con đồng theo hầu đóng áo quan lại. Cứ thế mà hóa. Đạo sĩ các nơi nghe chuyện liền đổ tới vái lễ. Đúng ngày đó, gió nổi lên cuốn bụi, mưa đổ xuống rầm rầm, đường được quét sạch. Lại có mây đàn én tới vây liệng quanh mộ.

(7) Dân chúng trong vùng từ đó thờ bà với tên *Đệ tam tiên nữ* có tên hiệu là *Hoàng Quế Hoa công chúa* 黄桂花公主. Người ta kêu cầu gì với tiên nữ, đều được ứng nguyện.

Tiếp theo, các điểm nội dung nêu trên trong ngọc phả Nga Sơn cần được đối chiếu với ngọc phả tìm thấy ở Nghĩa Hưng.

1.2. Ngọc phả tìm thấy ở Nghĩa Hưng (họ Mai ở Giáp Ba, hai cuốn đóng riêng)

Tạm gọi số tư liệu mới phát hiện ở gia đình họ Mai tại Giáp Ba là *Ngọc phả Giáp Ba*. Có một điểm khác biệt rõ nhất giữa ngọc phả Nga Sơn (đã trình bày ở trên) với ngọc phả Giáp Ba là: ngọc phả Nga Sơn thì ghép hai tư liệu (*Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả*, và *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*) vào làm một, đóng chung trong một tập; còn ngọc phả Giáp Ba thì tách riêng hai tư liệu này ra, đóng riêng thành hai tập khác nhau (một tập là *Đệ tam tiên chúa ngọc phả/Tam Giáp đệ tam vị tiên chúa ngọc phả*, một tập là *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*) [Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 2, 3; xem *Ảnh 6a-b*].

Cả hai văn bản ở Giáp Ba đều không ghi năm tháng sao chép. Riêng *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* hiện có một bản lược dịch viết tay bằng bút máy mực tím mang ngày tháng sao lục là “2/10/1961”.

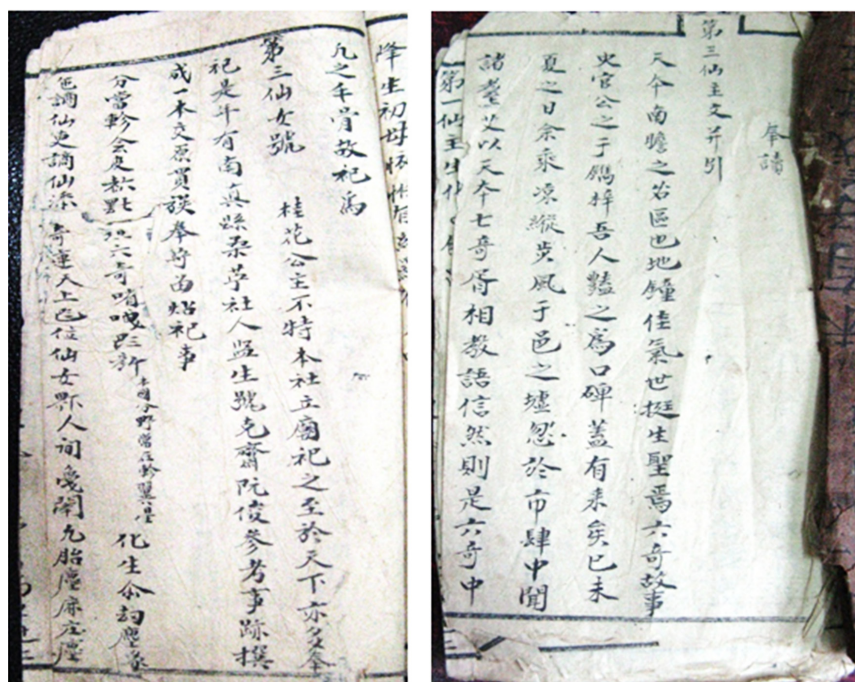


Ảnh 6a-b: Trang bìa (a-bên phải) và trang đầu (b-bên trái) của *Đệ tam tiên chúa ngọc phả*.

Qua kiểu chữ và tình trạng giấy dó của nguyên bản, và niên đại của bản lược dịch tiếng Việt kể trên, có thể phỏng đoán rằng, *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* và *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* đang được bảo quản tại dòng họ Mai làng Giáp Ba là những văn bản đã được sao chép từ lâu. Về tình trạng văn bản, thì nhìn chung *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* tốt hơn *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*. Bản thân *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* hiện bị đóng quyển lộn một số trang.

Một điểm khác nhau nữa giữa ngọc phả Nga Sơn và ngọc phả Giáp Ba là: ở ngọc phả Nga Sơn, tên người biên soạn ngọc phả (Nguyễn Tuấn Tham ở xã Tang Trữ huyện Nam Chân) xuất hiện ở cuối đoạn văn bản *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả* và trước khi bắt đầu chuyển sang phần *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*; còn ở ngọc phả Giáp Ba, thì thông tin này lại nằm ở phần kết thúc của văn bản *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* (sau đó cuối văn bản này còn một đoạn chữ Nôm cũng nói về thánh mẫu; đoạn này không có đoạn tương ứng trong ngọc phả Nga Sơn).

Thông tin về Nguyễn Tuấn Tham trong *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* ở Giáp Ba (xem Ảnh 7a-b) giống hệt như trong ngọc phả Nga Sơn (đều là một vị Giám sinh có hiệu là Khắc Trai và nguyên quán là xã Tang Trữ huyện Nam Chân tỉnh Nam Định). Nội dung của *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* cũng giống gần hoàn toàn với phần *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* trong ngọc phả Nga Sơn.



Ảnh 7a-b: Trang mở đầu (a-bên phải) và trang ghi thông tin về Nguyễn Tuấn Tham (b-bên trái) trong *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*.

Về hành trạng của thánh mẫu, thì về cơ bản, nội dung ngọc phả Giáp Ba giống như nội dung ngọc phả Nga Sơn. Tên tục của thánh mẫu cũng được ghi là **Thúc** 蹴; sinh năm Đinh Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28, hưởng dương 33 năm, hóa năm Kỷ Mùi. Tuy vậy, cũng có một số chỗ tương dị nhỏ nhỏ như sau.

(1) *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả* (Nga Sơn) ghi nguyên quán của ông họ Mai kết duyên với bà Hoàng Thị Thúc là xã Thạch Giản tổng Thạch Giản cùng huyện Nga Sơn. Còn *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* (Giáp Ba) thì ghi là người ở thôn Giáp Ba xã Bảo Ngũ cùng huyện Thiên Bản.

(2) Về mối quan hệ giữa Tây Mỗ và Thạch Giản (ở Nga Sơn) với Bảo Ngũ (ở Nghĩa Hưng), thì *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* (Nga Sơn) ghi rằng: do ông họ Mai nguyên quán ở Thạch Giản nhưng sau có làm nhà ở xã Bảo Ngũ, nên bà Hoàng Thị Thúc cũng ra đó ở, tức là di cư theo chiều từ *Thạch Giản ra Giáp Ba*. Còn *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* (Giáp Ba) thì ghi rằng: ông họ Mai do công việc buôn bán nên thường cư ngụ tại Giáp Ba. Tuy vậy, *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* (Giáp Ba) cũng ghi việc ông họ Mai có xây nhà ở Giáp Ba, mà nguyên quán của ông là Thạch Giản.

Những điểm khác nhau trong tiểu tiết như vậy giữa ngọc phả Nga Sơn (Tây Mỗ) và ngọc phả Nghĩa Hưng (Giáp Ba) cho chúng ta suy đoán rằng, cả hai đều sao chép từ văn bản đã có trước đó (của hay vốn của Nguyễn Tuấn Tham soạn), và người sao chép đã tự ý thay đổi một số địa danh cho hợp với mong muốn lúc đó của

mình. Tuy nhiên, thống nhất ở chỗ: cả hai đều ghi về việc chuyển cư của ông họ Mai từ Thạch Giản ra Giáp Ba. Bằng việc đối chiếu với các tư liệu khác, đặc biệt là tư liệu liên quan đến dòng họ Mai ở huyện Nga Sơn ngày nay (dòng họ đã sản sinh ra danh nhân Mai Anh Tuấn),⁽¹⁵⁾ chúng tôi xác nhận được việc họ Mai ở Nga Sơn (Thanh Hóa) từng di cư ra Bảo Ngũ (Nam Định) với những lý do khác nhau. Giữa Nga Sơn và Bảo Ngũ vốn đã có quan hệ đích thực trong lịch sử.

Một điểm cần nhắc để nhấn mạnh ở đây là, ngọc phả ở Nga Sơn cũng như ngọc phả ở Nghĩa Hưng, như đã trình bày ở trên, đều chỉ nhắc đến tên hiệu của thánh mẫu với những cụm từ sau: *Đệ tam tiên chúa*, *Đệ tam thánh mẫu*, *Hoàng Quế Hoa công chúa*, *Quế Hoa công chúa*. Trong cả hai ngọc phả này, chúng ta rõ ràng chưa thấy có sự xuất hiện của tên hiệu dạng như *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hay *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*. *Quảng Cung Quế Anh phu nhân* là tên hiệu xuất hiện trong các sắc phong của triều Nguyễn cho hai làng Giáp Ba và Bất Di sẽ trình bày ở phần tiếp theo (hiện còn thấy nguyên vật hay bản sao, có niên đại sớm nhất là Tự Đức 10 tức năm 1857). Điều này cho phép chúng ta đặt một giả thiết rằng, ngọc phả được soạn bởi vị Giám sinh Nguyễn Tuấn Tham là lớp thần tích được viết sớm và sát với câu chuyện thực về sự linh dị mà ông đã được nghe thấy lúc đương thời. Dù muộn đến đâu, dù đã được sao đi chép lại nhiều lần, văn bản ấy cũng vốn đã có trước năm 1857, nếu không muốn nói là ra đời ngay trong năm 1799 (năm mà *Hoàng Quế Hoa công chúa* về trời). Hoặc để “mềm mại” hơn, có thể xem nó đã được ra đời trong khoảng thời gian từ năm 1799 đến năm 1857. Nó chưa hề bị ảnh hưởng ngược lại từ hệ thống sắc phong của triều Nguyễn cho các làng Giáp Ba và Bất Di, nên không sử dụng tên hiệu *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*.

2. Sắc phong và thần tích thời cận đại của Giáp Ba và Bất Di ở Nghĩa Hưng

Vào hạ tuần tháng 4 năm 1938 (Bảo Đại 13), chức dịch của thôn Giáp Ba và làng Bất Di (ghi theo chính tả lúc đó là “Bất Gi”) cùng thuộc “tổng Bảo Ngũ huyện Vụ Bản phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định” có đồng thời thực hiện bản khai về thần tích thần sắc của làng mình [Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 1, 2]. Cả hai đều là bản khai viết tay, phần trước là Quốc ngữ, phần sau là chữ Hán Nôm. Cả hai đều lược thuật thần tích về *Đệ tam thánh mẫu* (Giáp Ba) hay *Đệ tam vị tiên chúa* (Bất Di) bằng cả Quốc ngữ và văn tự Hán Nôm, đồng thời, sao chép những sắc phong còn lưu giữ được đến thời điểm đó. Mỗi bản khai đều có chữ ký và con dấu của chức dịch làng, gồm những vị như: chánh hương hội, lý trưởng, phó lý, chương bạ, thủ quỹ, thư ký, hộ lại, phó hộ lại, kỳ lão, kỳ hào, cự lý trưởng, cự phó lý,.... Đây là mảng tư liệu quan trọng, bởi vừa mang ý nghĩa là văn thư chính thức của đơn vị hành chính cấp cơ sở có phạm vi cao hơn dòng họ, vừa mang giá trị bổ khuyết về mặt nội dung cho các ngọc phả hiện thấy trong các dòng họ ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng mà chúng tôi đã trình bày ở trên.

Đặc biệt, trong thời gian khảo sát điền dã gần đây tại khu vực Giáp Ba, mặc dù không thấy sự hiện diện của sắc phong nguyên vật cho Giáp Ba (có lẽ đã thất lạc), nhưng may mắn là chúng tôi đã được mục sở thị các sắc phong nguyên vật cho Bất Di trước đây - đó chính là nguyên bản (lưu giữ tại địa phương) của các bản sao trong bản khai năm 1938 (đã nộp lên chính quyền trung ương). Trong bối cảnh chung là sắc phong cho Phủ Tây Mỗ không còn, kể cả bản sao (hoặc vốn không có), mà sắc phong cho Phủ Giáp Ba chỉ còn bản sao, thì sắc phong nguyên vật cho Phủ Bất Di là những vật chứng tham chiếu trọng yếu. Đây là những vật chứng (gồm cả nguyên bản và bản sao) cho thấy Đế tam thánh mẫu đã thực sự được vương triều công nhận.

2.1. Sắc phong bản sao của Giáp Ba

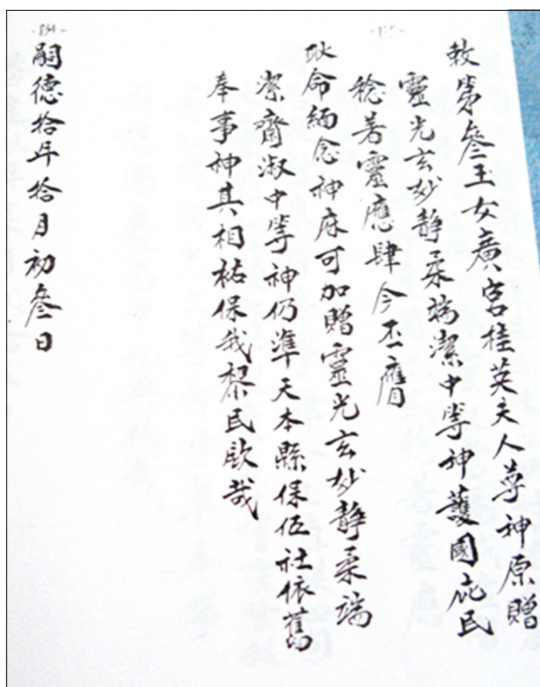
Theo bản khai của chức dịch năm 1938 [Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 1], Giáp Ba có thờ hai vị thần, là *Đức Thành hoàng* (nữ thần, họ Đào tên húy là Thị Nhạ) và *Đức Đế tam thánh mẫu* (nữ thần, họ Hoàng tên húy là Thiú). Đến thời điểm đó, làng có lưu giữ được 4 đạo sắc phong cho thành hoàng (các niên hiệu Cảnh Hưng 44, Thành Thái 1, Duy Tân 3, Khải Định 9), và 5 đạo sắc phong cho Đế tam thánh mẫu (các niên hiệu Tự Đức 10, Tự Đức 33, Đồng Khánh 2, Duy Tân 3, Khải Định 9). Có thể tóm lược nội dung các sắc phong cho Đế tam thánh mẫu như sau.

(1) **Sắc thứ nhất:** Ghi ngày 3 tháng 10 năm Tự Đức 10 (1857), sắc cho xã Bảo Ngũ huyện **Thiên Bản**⁽¹⁶⁾ (không ghi đơn vị cấp thôn và cấp tỉnh, chỉ ghi xã) thờ vị thần là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hàng trung đẳng thần. Các mỹ tự của thần vốn là *Linh quang huyền diệu tĩnh nhu đoan khiết*, nay gia tặng hai chữ *trai thực* (để thành *Linh quang huyền diệu tĩnh nhu đoan khiết trai thực*).

(2) **Sắc thứ hai:** Ghi ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức 33 (1880), sắc cho xã Bảo Ngũ huyện **Vụ Bản**⁽¹⁷⁾ tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hàng trung đẳng thần. Các mỹ tự của thần là *Linh quang huyền diệu tĩnh nhu đoan khiết trai thực*.

(3) **Sắc thứ ba:** Ghi ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh 2 (1887), sắc cho xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hàng trung đẳng thần. Các mỹ tự của thần vốn là *Linh quang huyền diệu tĩnh nhu đoan khiết trai thực*, nay gia tặng bốn chữ *Dực bảo trung hưng*.

(4) **Sắc thứ tư:** Ghi ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân 3 (1909), sắc cho xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hàng trung đẳng thần. Các mỹ tự của thần là *Linh quang huyền diệu tĩnh nhu đoan khiết trai thực dực bảo trung hưng*.



Ảnh 8 : Bản sao sắc phong mang niên đại 1857 (Tự Đức 10) cho Giáp Ba.⁽¹⁸⁾

diệu tĩnh nhu đoan khiết trai thực dục bảo trung hưng trang huy. Dựa vào nội dung của bản sao sắc thứ nhất, tạm phỏng đoán rằng, ở trước thời điểm năm Tự Đức 10 (1857), có thể đã từng có sắc phong của triều Nguyễn thời Minh Mệnh (1820-1840) hay Thiệu Trị (1841-1847) cho *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân* ở Giáp Ba.

2.2. Sắc phong cho Bất Di : Bản sao và nguyên vật

Bản khai cùng năm 1938 của Bất Di cho biết làng thờ 3 vị thần, là: *Đức Thiên khai hộ quốc* có 9 đạo sắc phong, *Đức Đương cảnh Thành hoàng anh linh hiển ứng lộ tướng quân* có 6 đạo sắc phong, *Đức Dục bảo trung hưng Quảng Cung Quế Anh phu nhân* có 2 đạo sắc phong [Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 2]. Hai sắc phong cho *Quế Anh phu nhân* được sao trong bản khai này đều có niên đại muôn, là Duy Tân 5 và Khải Định 9.

Chú ý là cả hai đạo sắc cho *Quế Anh phu nhân* hiện còn nguyên vật, đang được lưu giữ tại địa phương. Qua đối chiếu thì thấy nguyên văn trong nguyên vật đã được sao gần chính xác toàn bộ sang bản khai năm 1938 (chỉ chép nhầm một chữ ở mỹ tự của thần). Nội dung tóm tắt của các sắc phong như sau.

(1) **Sắc thứ nhất:** Ghi ngày 8 tháng 6 nhuận năm Duy Tân 5 (1911), sắc cho xã Bất Di huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Quảng Cung Quế Anh phu nhân* 廣宮桂英夫人, lần đầu nhận sắc và được xếp vào hàng trung đẳng thần. Mỹ

(5) **Sắc thứ năm:** Ghi ngày 25 tháng 7 năm Khải Định 9 (1924), sắc cho **thôn Giáp Ba** xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, hàng trung đẳng thần. Nay phong lên hàng thượng đẳng thần, và gia tặng hai chữ *Trang huy* vào mỹ tự.

Như vậy, danh xưng chính thức trên sắc phong của vị thần được thờ tại Giáp Ba là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân* 第叁玉女廣宮桂英夫人. Thần vốn ở hàng *tôn thần*, được lên hàng *trung đẳng thần* vào đầu thời Tự Đức (duy trì như vậy qua thời Đồng Khánh và Duy Tân), và được lên hàng *thượng đẳng thần* vào thời Khải Định. Mỹ tự ở lần phong cuối cùng (1924) là *Linh quang huyền*



Ảnh 9a-b: Sắc phong năm Duy Tân 5 (1911) cho Bát Di (a-bên phải: lời sắc; b-bên trái: dòng niên đại và dấu Sắc mệnh chi bảo).

tự được ban của thần là *Linh quang huyền diệu tinh nhu đoàn khiết trai thực dục bảo trung hưng* [nguyên bản là *trai thực*, bản sao chép nhằm thành *trang thực*].

(2) **Sắc thứ hai:** Ghi ngày 25 tháng 7 năm Khải Định 9 (1924), sắc cho xã Bát Di huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ vị thần là *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, gia phong cho thần lên hàng thượng đẳng, và thêm hai chữ *Trang huy* vào mỹ tự.

Qua nội dung sắc phong, chúng ta cũng biết rằng, việc thờ *Quảng Cung Quế Anh phu nhân* ở Bát Di muộn hơn so với ở Giáp Ba (mãi đến năm 1911 mới được ban sắc lần đầu tiên). Quả thực là như vậy. Trong bản khai năm 1938 của Bát Di, ở phần ghi sự tích của thánh mẫu bằng chữ Hán, chức dịch cũng cho biết rõ rằng, vào ngày 9 tháng 3 năm Giáp Tý niên hiệu Tự Đức 17 (1864), người xã Bát Di đã lên Phủ Giáp Ba khuyến thỉnh cả sự tích và duệ hiệu của thần ở Giáp Ba để về thờ tại Bát Di.⁽¹⁹⁾ Tức là sau khoảng 7 năm tính từ khi Giáp Ba chính thức nhận được sắc phong của triều Tự Đức (năm Tự Đức 10, bên Giáp Ba đã nhận được sắc phong), thì người Bát Di mới tới Giáp Ba xin được phân linh về Bát Di. Ngày phân linh nhằm đúng vào ngày giỗ của thần.

Về phẩm trật của thần, cũng như ở Giáp Ba, đến thời Khải Định thì *Quảng Cung Quế Anh phu nhân* thờ ở Bát Di mới được lên hàng thượng đẳng thần. Mỹ tự được tặng là *Linh quang huyền diệu tinh nhu đoàn khiết trai thực dục bảo trung hưng trang huy* cũng giống như ở Giáp Ba. Một điểm khác nhau là về danh xưng của thần: nếu tên thần ở Giáp Ba ghi đầy đủ là *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân*, thì ở Bát Di chỉ rút ngắn lại thành *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*.

Đó chỉ là việc rút ngắn trên văn bản sắc phong thôi, còn trong thần tích của Bát Di (vốn khuyến thỉnh từ Giáp Ba về) thì vẫn ghi rõ là *Đệ tam tiên chúa*.

2.3. Thần tích trong bản khai năm 1938 của Giáp Ba và Bát Di

Như đã trình bày ở trên, sự tích và duệ hiệu vị thần được thờ ở Bát Di vốn có gốc từ Giáp Ba, người ở Bát Di đã sang Giáp Ba khuyến thỉnh về từ năm Tự Đức 17 (1864). Ở thời điểm đó, về sự tích của thần, không rõ là người Bát Di đã được nhận hay được sao chép tư liệu nào từ Giáp Ba. Phải chăng là *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* đã nhắc đến ở trên, hay là một văn bản tương tự như vậy. Hiện nay, chúng ta thấy hai bản thần tích ở dạng tóm tắt viết bằng Quốc ngữ và văn tự Hán Nôm trong hai bản khai năm 1938 của hai làng này. Đọc đối sánh, thấy có mấy điểm thú vị như sau giữa hai bản khai.

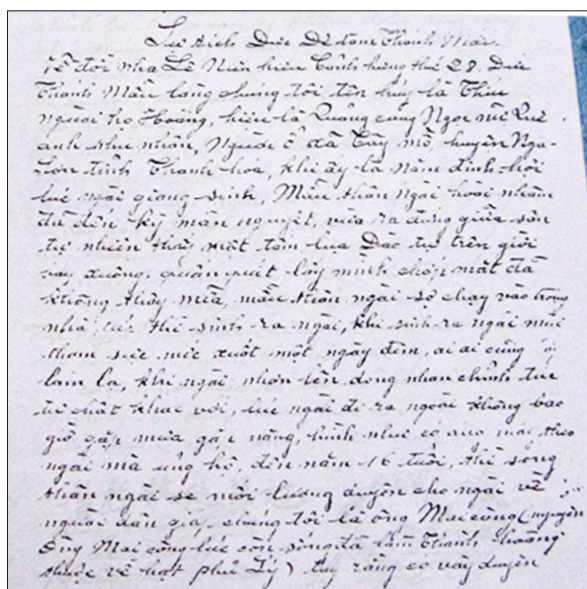
Một là, bản tóm tắt của Giáp Ba thì được ghi bằng Quốc ngữ ở trên rồi lại bằng chữ Nôm ở dưới với nội dung giống hệt nhau (không có bản chữ Hán), còn bản của Bát Di thì chỉ bằng chữ Hán (không có chữ Nôm, và phần Quốc ngữ thì chỉ ghi một chú dẫn là xem bản chữ Hán đính kèm). Tại sao Giáp Ba lại chỉ sử dụng chữ Quốc ngữ và chữ Nôm mà không dùng chữ Hán, còn Bát Di lại chỉ sử dụng chữ Hán mà không có chữ Nôm, thì có liên quan đến điểm thứ hai tiếp theo.

Hai là, bản tóm tắt của Giáp Ba ghi là *Đệ tam thánh mẫu* hay *Quảng Cung ngọc nữ Quế Anh phu nhân*, còn bản của Bát Di thì ghi *Đệ tam tiên chúa* hay *Đệ tam Quế Hoa tiên chúa* (loại bỏ chỗ ghi là *Dực bảo trung hưng Quảng Cung Quế Anh phu nhân thượng đẳng thần* chung cho đầu trang chép cả thần tích và sắc phong mang tính phân cách để xếp riêng vị thần này với các vị thần khác cùng được thờ tại Bát Di, chứ vốn không có tên hiệu như vậy trong sắc phong).

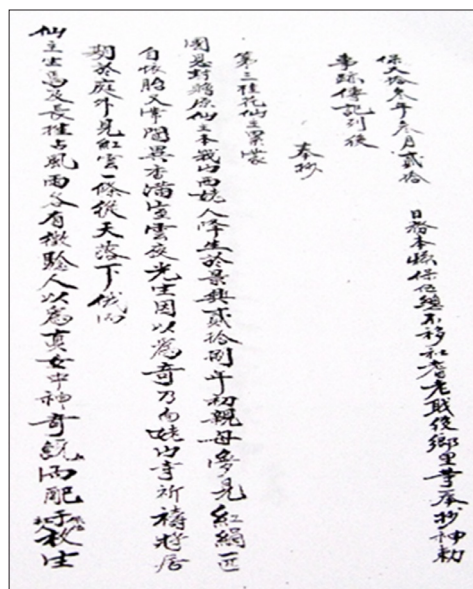
Kết hợp hai điểm một và hai ở trên, chúng ta có thể phỏng đoán rằng, năm 1864, người Bát Di sang Giáp Ba đã được nhận bản sao hay được phép sao ngọc phả chữ Hán do Nguyễn Tuấn Tham soạn. Bởi vậy, bản tóm tắt thần tích của Bát Di ghi bằng Hán văn, và nhắc đến cái tên hiệu *Quế Hoa tiên chúa* như thấy trong hai bản ngọc phả (trong ngọc phả Nga Sơn là *Hoàng Quế Hoa nương* hay *Hoàng Quế Hoa công chúa* để nhấn mạnh đến yếu tố họ Hoàng, trong ngọc phả Nghĩa Hưng thì là *Quế Hoa công chúa*). Có lẽ *Quế Hoa công chúa* là gắn với lớp thần tích sớm do Nguyễn Tuấn Tham soạn (lớp thần tích ghi lại hành trạng trong đời thực của thần), còn *Quế Anh phu nhân* là gắn với lớp thần tích muộn (vốn là lớp thần tích sớm nhưng đã có chịu ảnh hưởng ngược lại từ sắc phong của triều Nguyễn). Như vậy, chúng ta có thể mừng tượng đến một quá trình vận động từ *Hoàng Quế Hoa công chúa* 黄桂花公主 sang *Quảng Cung Quế Anh phu nhân* 廣宮桂英夫人. Đó là quá trình từ một con người cá nhân của một dòng họ có cuộc đời đích thực đến một vị thần được quốc gia công nhận.

Bất Di nhận từ Giáp Ba vào năm 1864 một bản ngọc phả hay thần tích bằng Hán văn vốn do Nguyễn Tuấn Tham soạn, rồi đến năm 1938, cứ thể phỏng theo mà tóm tắt lại bằng Hán văn. Còn Giáp Ba thì không sử dụng bản ngọc phả Hán văn mình đang có, mà lại phối hợp cả nội dung của ngọc phả ấy với sắc phong đã được nhận từ triều đình mà viết ra một bản tóm tắt bằng Quốc ngữ/Nôm.

Ba là, tên tục của thần được ghi trong bản khai của Giáp Ba là *Thúu* với mặt chữ Hán là 鷲. Với cách viết của chính tả hiện nay, mặt chữ này có thể được viết là *Thúu* (chữ *Thúu* trong *Linh Thúu sơn* 靈鷲山 - một địa danh nổi tiếng ở Ấn Độ gắn với Đức Phật Thích Ca). Như vậy, mặt chữ Hán trong bản khai năm 1938 của Giáp Ba có khác một chút với mặt chữ trong ngọc phả Nga Sơn và ngọc phả Nghĩa Hưng (như đã viết ở trên, là chữ 蹴, đọc là *Thúc*). Bản khai năm 1938 của Bất Di thì không ghi tên tục của thần.



Ảnh 10: Tóm tắt thần tích trong bản khai của Giáp Ba năm 1938 (trang đầu).⁽²⁰⁾



Ảnh 11: Tóm tắt thần tích trong bản khai của Bất Di năm 1938 (trang đầu).⁽²¹⁾

Bản tóm tắt thần tích của thánh mẫu thấy trong hai bản khai năm 1938 này về cơ bản giống như trong ngọc phả Nga Sơn và ngọc phả Nghĩa Hưng: năm sinh (Đinh Hợi niên hiệu Cảnh Hưng 28), năm mất (Kỷ Mùi), hưởng dương 33 tuổi (hóa ngày 9 tháng 3), kết duyên cùng ông họ Mai, các linh dị lúc sinh tiền và khi hóa.

Tất cả các tư liệu đã giới thiệu ở trên đây là mảng tư liệu có vai trò hàng đầu trong việc nghiên cứu về lần giáng sinh thứ ba của thánh mẫu kết nối cả hai miền Nga Sơn và Nghĩa Hưng (gồm ngọc phả hay thần tích sớm, thần tích muộn trong bản khai năm 1938, sắc phong nguyên vật, sắc phong bản sao). Dù được bảo quản ở các nơi cách xa nhau, dưới các hình thức công và tư khác nhau, nhưng về cơ bản là khớp nhau về hành trạng của thánh mẫu. Tiếp theo, chúng ta sẽ đến với

một mảng tư liệu nguyên vật quan trọng khác hiện đang được bảo quản ở các địa phương, đó là bi ký.

3. Bi ký nguyên vật hiện còn ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng

So với mảng tư liệu giấy dạng viết tay (chưa được in ấn) thường ở tình trạng sao đi chép lại qua nhiều người nhiều lần, thì bi ký nguyên vật có một giá trị vượt trội ở chỗ giúp người đời sau dễ dàng hơn trong việc xác định niên đại của văn bản hay thông điệp mà nó truyền tải. Ngoài giá trị truyền đạt và lưu giữ thông tin bằng văn tự được khắc ở trên, mỗi tấm bia còn là một tác phẩm nghệ thuật phản ánh trình độ kỹ thuật chế tác đá hay các vật liệu thay thế, cũng như bày tỏ xu hướng thẩm mỹ của các thời đại. Ngay cả khi một bia đá được dựng ở đời sau mà khắc một bài văn có trước đó cả vài thế kỷ, hay một bia đá vốn đã lập vài thế kỷ trước mà được người đời sau khắc lại do đã quá mờ, thì cũng có giá trị tham khảo đặc biệt. Trong lĩnh vực nghiên cứu tín ngưỡng tứ phủ nói chung và tín ngưỡng Mẫu Liễu nói riêng, chúng ta cần chú trọng khai thác để sử dụng mảng bi ký nguyên vật này - hiện vẫn chưa có được nhiều thành quả nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống.

Liên quan đến lần giáng sinh thứ ba của thánh mẫu, hiện chúng tôi phát hiện được 4 tấm bia nguyên vật hiện đang được lưu giữ tại Nga Sơn và Nghĩa Hưng. Một tấm mang niên đại thời Lê (Cảnh Hưng) hiện nằm ở vườn của gia đình ông Nguyễn Hoàng Thước (con trai là Nguyễn Hoàng Hồng) đã trình bày ở trên, tạm gọi là *bi ký Nga Châu*. Ba tấm còn lại mang niên đại thời Nguyễn (Tự Đức, Thành Thái) hiện nằm trong khuôn viên của Phủ Giáp Ba, tạm gọi nhóm này là *bi ký Giáp Ba*.

Từ niên đại của *bi ký Nga Châu* (Cảnh Hưng 23 tức năm 1762) sớm hơn cả năm sinh của thánh mẫu (Cảnh Hưng 28) tới mấy năm, có thể thấy đây là bi ký không có liên quan đến truyền thuyết sinh hóa của thánh mẫu. Tuy vậy, sự tồn tại của tấm bia này cũng có giá trị ít nhiều trong liên hệ với dòng họ Hoàng mà thánh mẫu đã “mượn cửa” thác sinh, nên chúng tôi vẫn giới thiệu đôi nét ở dưới. Còn ba tấm *bi ký Giáp Ba*, thì một trong số đó có lược ghi sự tích của thánh mẫu, tuy hiện trạng của bia không được tốt.

3.1. *Bi ký Nga Châu* (1762, có thấy địa danh Tây Mỗ/Tây Mụ)

Bia hiện được bảo quản trong nhà bia có mái che ở vườn trước sân của gia đình. Bản thân bia trở thành một đối tượng được thờ, gia đình có đặt hai bát hương ở mặt trước, vào mùa một và rằm hàng tháng hay khi có việc cần kêu cầu thì dâng hương hoa (xem *Ảnh 12*).

Bia mang tiêu đề *Thùy huấn bi* 垂訓碑 (tạm hiểu là *Bia ghi lời răn truyền cho mai sau*), có kích thước nhỏ (kích thước trong lòng 54cm × 36,5cm, dày là 13,5cm). Mặt trước có khắc 18 dòng chữ Hán, nhưng tình trạng rất xấu, một số dòng và nhiều chữ đã mờ hẳn không đọc được. Mặt sau chỉ có một dòng khắc niên



Ảnh 12: Bì đá trong vườn gia đình họ Nguyễn Hoàng ở Nga Châu (6/2011).



Ảnh 13: Lòng bì ở mặt trước (tác giả có gia bút ở 3 chỗ).

đại: *Cảnh Hưng nhị thập tam niên tuế thứ Nhâm Ngọ ngũ nguyệt* - - - (- - - tháng 5 năm Nhâm Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng 23).

Do lòng bì mặt trước mòn chữ, đặc biệt câu đầu tiên mòn gần toàn bộ, nên hiện nay chúng tôi chưa biết chính xác đây là bì cho đền phủ hay di tích nào. Ghép những đoạn còn đọc được, thì tạm phỏng đoán rằng, đây là bì ghi số ruộng đất của ai đó gửi hậu cho dòng họ Hoàng ở Tây Mỗ thuộc Nga Sơn, hoặc là liệt kê các thửa ruộng đã nhận hậu của dòng họ này, và lời nguyện không được tự ý bán đứt hay di dời số tài sản đó. Có thể đọc rất rõ các chữ như *Nga Sơn Tây Mỗ* 峩山西姥, *Tây Mỗ* 姥社, *Hoàng thị tộc* 黄氏族, *Hoàng Tiên* 黄仙. Bì này hiện chưa có thác bản tại kho của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm cũng như các cơ quan quản lý văn hóa huyện Hà Trung hay tỉnh Thanh Hóa, cũng không được văn nhân địa phương chép vào một số tập sách liên quan đến Thanh Hóa (như *Ái Châu bi ký* hay *Thanh Hoa danh thắng lục*), bởi vậy, khó hy vọng có thể đọc được bản đầy đủ của nó.

Bi ký Nga Sơn rõ ràng là không có quan hệ trực tiếp tới câu chuyện về thánh mẫu vốn là người con gái họ Hoàng. Tuy nhiên, nó có thể cho chúng ta phỏng đoán về dòng họ Hoàng ở Tây Mỗ ngay trước thời điểm người con gái này được sinh ra: phải chăng đó vốn là một gia tộc có tài sản và thế lực ở địa phương? Và như vậy, theo phong tục hôn nhân trước đây, gia đình họ Mai mà người con gái họ Hoàng về làm dâu cũng là đủ môn đăng hộ đối.

Về lai lịch của tấm bì này cũng như của bản ngọc phả Nga Sơn đã trình bày ở trên, hiện chúng tôi chưa nắm được rõ, bởi có những vấn đề thuộc về quan hệ trong lịch sử và đương đại giữa dòng họ Hoàng ở Tây Mỗ (xã Hà Thái) với dòng họ Nguyễn Hoàng ở Nga Châu (xã Hà Châu) cần phải tiếp tục tìm hiểu.

3.2. *Bi ký Giáp Ba* (1871-1892, có ghi về *Đệ tam tiên chúa*)

Phủ Giáp Ba (của làng Giáp Ba) nằm ngay cạnh Phủ Tổ (của gia đình họ Mai làng Giáp Ba⁽²²⁾), cả hai đều thờ Đệ tam thánh mẫu, vốn đã bị hư hại và cùng được trùng tu từ đầu thập niên 1990 (xem *Ảnh 14*). Ba tấm bia mang văn tự Hán Nôm hiện còn ở khu vực Phủ Giáp Ba và Phủ Tổ ngày nay đều là bia của Phủ Giáp Ba trước đây (xem *Ảnh 15*). Cả ba mang niên đại thời Nguyễn trong khoảng từ năm Tự Đức 24 (1871) đến năm Thành Thái 4 (1892), như vậy đều muộn hơn năm Tự Đức 10 (1857), tức là muộn hơn niên đại ghi trên bản sao sắc phong thứ nhất cho làng Giáp Ba như đã giới thiệu ở trên. Có nghĩa là, đây là nhóm bi ký được khắc và dựng tại Phủ Giáp Ba sau khi *Đệ tam tiên chúa* đã chính thức được triều Nguyễn công nhận bằng sắc phong. Đồng thời, cũng có nghĩa là bia ra đời sau thời điểm huyện Thiên Bản đổi tên thành huyện Vụ Bản (đổi tên năm Tự Đức 15 = 1862).⁽²³⁾



Ảnh 14: Quang cảnh của tam quan Phủ Giáp Ba (trái) và Phủ Tổ (phải) hiện nay.⁽²⁴⁾

Cả ba đều là bia khổ trung bình (cao trên dưới 120cm và rộng trên dưới 70cm). Trong đó, có hai tấm mang niên đại Tự Đức được gắn lên bức tường rào ngăn cách giữa Phủ Giáp Ba với Phủ Tổ (tạm gọi là “Bia 1” và “Bia 2”), mặt trước hướng về Phủ Giáp Ba, mặt sau hướng về Phủ Tổ. Tấm còn lại (tạm gọi là “Bia 3”) mang niên đại Thành Thái, vẫn tạm nằm ở trên bãi đất trống trước cổng Phủ Giáp Ba, là bia do người dân ở trong làng mới đem trả lại cho Phủ Giáp Ba gần đây. Dưới đây, chúng tôi lần lượt giới thiệu ba tấm bia theo trình tự thời gian.

(1) **Bia thứ nhất** (1871): Bia gắn trên tường ngăn giữa Phủ Giáp Ba và Phủ Tổ, đánh số là “Bia 1”. Bia cao 118cm, rộng 63cm (kích thước lòng bia là 84cm × 52cm), hai mặt viết chữ Hán Nôm. Mặt trước quay về phía Phủ Giáp Ba, mang tiêu đề *Tập Phúc Hội bi ký* 集福會碑記 (Bài ký của Hội Tập Phúc) ở trên trán bia (xem *Ảnh 16*). Trong lòng bia có 18 dòng văn tự nhưng bị mòn tương đối nhiều. Mặt sau quay về phía Phủ Tổ ghi niên đại dựng bia là *Tự Đức nhị thập tứ niên tam nguyệt*



Ảnh 15a-b: Ba bi ký Giáp Ba, gồm 2 tấm gắn tường (a-phải, dựng năm 1871 và 1886) và 1 tấm ở trước cổng (b-trái, năm 1892).⁽²⁵⁾

lục nhật (Ngày 6 tháng Ba năm Tự Đức 24 = 1871).

Do tình trạng bia không còn tốt, phải vừa đọc vừa đoán, nên chúng tôi chỉ nêu một số nội dung chính yếu của nó như sau.

Một là, như tên gọi của bia, đây là ghi chép của một tổ chức tín đồ mang tên *Tập Phúc Hội* (Hội cùng nhau làm việc phúc). Hội bao gồm người có chức sắc trong xã Bảo Ngũ cùng thiện nam tín nữ ở tứ phương (người các xã Bảo Ngũ, Bách Tính, Quả Linh, Định Trạch, Khả Chính, Ngô Xá thuộc vùng Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định; người ở ngoài Nghĩa Hưng; người ở tỉnh Hải Dương; ca công/cung văn...). Với mục đích cùng nhau thờ phụng đức *tiên chúa* ở Giáp Ba xã Bảo Ngũ, các hội viên tụ lại với nhau trên tinh thần không phân biệt quý tiện sang hèn. Người trong hội (gắn với tên địa danh nơi cư trú như liệt kê ở trên) cùng nhau xuất tiền của mua ruộng tư để cung tiến cho Phủ Giáp Ba.

Hai là, lý do trực tiếp dựng văn bia này là để trình bày vắn tắt về ý nghĩa thành lập của hội (như trên), và ghi tường tận về ruộng đất mà người trong hội đã cung tiến cho phủ thờ ở Giáp Ba để có lo hương hỏa lâu dài cho tiên chúa.

Ba là, văn bản để có thể đem khắc vào bia đã được người của Hội Tập Phúc soạn và tu chỉnh trước đó vài năm, từ tháng Ba năm Bính Dần⁽²⁶⁾ (1866). Đến năm



Ảnh 16: Trán bia (mặt trước) của bia số 1 ở Giáp Ba (1871, *Tập Phúc Hội bi ký*).

Tự Đức 24 (1871, Tân Mùi) mới có điều kiện đem khắc vào bia trên thực tế. Đó là tấm bia còn bảo lưu được đến ngày nay qua gần 150 năm. Hiện chưa rõ về tác giả bài văn bia, nhưng có vẻ là một người ở bên ngoài làng Giáp Ba. Tên người Hội trưởng là Bùi Văn Đường (會長裴文唐), có lẽ một người thuộc dòng họ Bùi ở xã Bảo Ngũ.

Bốn là, *tiên chúa* 仙主 được giới thiệu trên bia, tức ở thời điểm 1866-1871, đã được triều Nguyễn nhiều lần tặng phong (nguyên văn là *hoàng triều lũy tặng phong*). Là vị thần vô cùng linh ứng, tới kêu cầu đều được ứng nghiệm, thiên hạ đều tôn sùng (*thiên hạ mạc bất tôn tín chi*). Hàng năm, húy nhật của tiên chúa là ngày 9 tháng 3, làng Giáp Ba ở Bảo Ngũ đều tổ chức lễ giỗ.

Như vậy, có thể thấy, ghi chép về tiên chúa ở trên tấm bia dựng năm 1871 này chỉ rất ngắn gọn. Bia không đề cập đến sự tích hay những chi tiết liên quan đến gia đình của bà tại Giáp Ba cũng như tại Tây Mỗ.

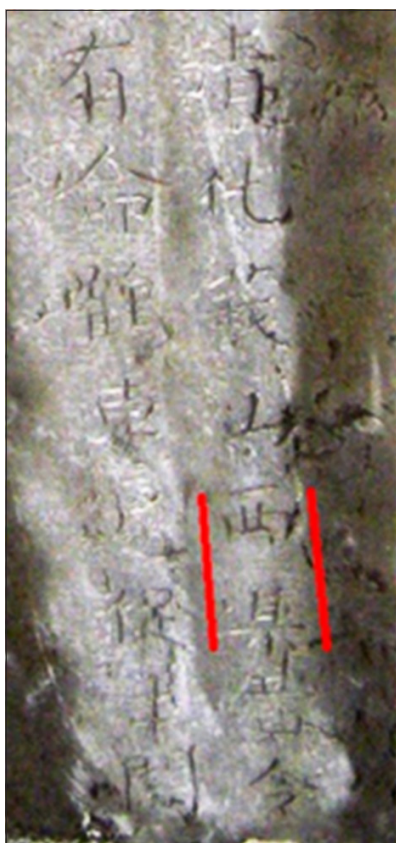


Ảnh 17: Trán bia (mặt trước) của bia số 2 ở Giáp Ba (1886, *Tam Giáp phủ từ bi ký*).

(2) **Bia thứ hai** (1886): Bia gắn trên tường ngăn giữa Phủ Giáp Ba và Phủ Tổ, tạm đánh số “Bia 2”. Bia cao 122cm, rộng 73cm (kích thước lòng bia là 89cm × 57,5cm), hai mặt viết chữ Hán Nôm. Mặt trước quay về phía Phủ Giáp Ba, mang tiêu đề *Tam Giáp phủ từ bi ký* 叁甲府祠碑記 (Bài ký của phủ thờ Giáp Ba) ở trên trán bia. Lòng bia có 20 dòng văn tự, một số trong đó bị mòn nhiều. Mặt sau quay về phía Phủ Tổ, tiếp tục nội dung đã ghi ở mặt trước với 13 dòng văn tự, tình trạng văn bản cũng không tốt.

Bia không ghi niên đại cụ thể, nhưng ở câu đầu tiên trên mặt trước có ghi “*Bính Tuất niên nhị nguyệt nhật Nam Định tỉnh Nghĩa Hưng phủ Vụ Bản huyện Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ xã Tam Giáp kỳ lão viên mục binh hộ toàn giáp đẳng*” (nghĩa là: Vào một ngày trong tháng Hai năm Bính Tuất, tất cả kỳ lão và chức dịch cùng dân Giáp Ba xã Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ huyện Vụ Bản phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định), đồng thời ở mặt sau có nhắc đến số ruộng của *Hội Tập Phúc* (đã thấy tên trong bia thứ nhất ở trên), nên chúng tôi xác định là năm Bính Tuất ở sau năm 1862 (năm mà huyện Thiên Bản đổi tên thành huyện Vụ Bản). Như vậy là bia có niên đại tính sang năm dương lịch là năm 1886.

Về nội dung, đây cũng là bia hậu, ghi số ruộng đất của tín đồ trong khu vực phủ Nghĩa Hưng và thập phương cung tiến cho Phủ Giáp Ba tính đến thời điểm đó. Trong số tín đồ ở phương xa, có một người là Đặng Thị Thanh ở xã Thiên Lộc phủ



Ảnh 18: Đoạn ghi “Thanh Hóa Nga Sơn Tây Mỗ Hoàng lệnh” ở mặt trước bia số 2.⁽²⁷⁾

Thừa Thiên cung tiền một sào ruộng ở khu vực xứ Đồng La (tra cứu thì biết xã Thiên Lộc thuộc tổng Cư Chánh huyện Hương Thủy phủ Thừa Thiên).

Đáng lưu ý là, khác với bia thứ nhất, ở mặt trước của tấm bia thứ hai này có một số chỗ thuật lại sự tích của tiên chúa có giá trị tham khảo đặc biệt. Về cụ thể, sự tích này gồm những điểm chính sau.

Một là, danh xưng của tiên chúa là *Đệ tam tiên chúa* 第叁仙主.

Hai là, Giáp Ba đã phụng thờ Đệ tam tiên chúa đến thời điểm năm 1886 là được khoảng một trăm năm (*bản giáp phụng sự Đệ tam tiên chúa bách niên lai*). Ghi chép ở đây cho chúng ta biết rằng, khu vực Giáp Ba đã thờ tiên chúa ngay sau khi bà linh hóa vào năm 1799. Thông tin này có thể xem là trùng với thông tin trong bản thần tích sớm do Nguyễn Tuấn Tham biên soạn.

Ba là, Giáp Ba là nơi lưu dấu của tiên chúa, nhưng nơi sinh của bà là Tây Mỗ ở Nga Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa 峩山西某. Bà là người họ Hoàng, một *lệnh tộc* 令族 (dòng họ tiếng tăm) ở đó. Sau bà về

làm dâu một *cao môn* 高门 (nhà quyền quý), đó là nhà họ Mai ở Giáp Ba xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản. Trải qua một thời gian, Thượng đế lệnh phải trở về trời. Mai tiên công đã xây cất phủ, vẽ tranh thờ, mua ruộng đất trao cho Giáp Ba phụng tự.

Bốn là, người con trai của Mai Đức Bàng 枚德旁 người Giáp Ba là Mai Văn Cốc 枚文穀 có giao cho địa phương một số ruộng vườn (*bản giáp Mai Đức Bàng nam tử Mai Văn Cốc giao phủ điền...*). Người họ Mai tên là Bàng này làm chúng ta liên tưởng đến ông Mai Nho Bàng 枚儒旁 trong ngọc phả Nga Sơn – đó chính là tên người chồng của cô gái họ Hoàng. Hiện chưa rõ **Mai Đức Bàng** thấy trên văn bia và **Mai Nho Bàng** thấy trong ngọc phả có quan hệ như thế nào.

Cũng như bia thứ nhất, trên bia thứ hai không ghi tên người soạn văn. Ở tấm bia thứ ba tiếp theo đây, tác giả bi văn được ghi rõ ràng, và đó là một nhân vật không xa lạ ở vùng phủ Nghĩa Hưng trước đây.

(3) **Bia thứ ba** (1892): Bia hiện vẫn nằm tạm ở trên bãi đất trống trước cổng Phủ Giáp Ba. Bia mang tiêu đề chính trên trán là *Xã binh bi ký* (Bài ký về Hội lính ở trong xã), và tiêu đề nhỏ mang nội dung cụ thể hơn nằm trong lòng bia là *Bảo*



Ảnh 19: Trán và phần đầu của bia số 3 ở Giáp Ba (1892, *Xã binh bì ký*).

Ngũ Tam Giáp miếu Binh hội tự điền ký 保伍三甲廟兵會祀田記 (Bài ký về ruộng thờ của Hội lính cho miếu thờ ở Giáp Ba xã Bảo Ngũ). Văn tự khắc trên một mặt bia, hiện ở tình trạng rất tốt (lòng bia gần như còn nguyên vẹn, chữ viết chân phương, rõ nét). Niên đại cụ thể của bia là ngày 17 tháng 6 nhuận năm Thành Thái 4 (Nhâm Thìn, 1892). Có thể đây là ngày tháng dựng bia hoặc đem văn soạn trên giấy khắc vào lòng

bia. Bởi tác giả bài văn bia là nhà khoa bảng Đỗ Huy Liêu được xem là đã qua đời năm Tân Mão 1891.⁽²⁸⁾

Như nhiều người đã biết, Đỗ Huy Liêu hay Đỗ Huy Liệu (1844-1891) là một nhà nho tiêu biểu của Nam Định, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống (cha là Đỗ Huy Uyển, ông nội là Đỗ Huy Cảnh). Ông là một trí thức cấp tiến, từng tích cực tham gia phong trào Cần Vương, được Phan Bội Châu lược thuật tiểu sử trong những cuốn sách danh tiếng như *Việt Nam vong quốc sử* 越南亡國史 hay *Đại Nam văn minh khởi điểm sử* 大南文明起點史. Theo lược thuật của Phan Bội Châu thì, Đỗ Huy Liêu cùng hợp mưu với chí sĩ đồng hương là Vũ Hữu Lợi, sau bị nhà đương cục Pháp bắt giam. Ông lấy cớ vì còn mẹ già không người phụng dưỡng, nên chưa dám quyên sinh ngay. Sau được thả, về nhà ẩn cư, đến khi mẹ mất thì uống thuốc độc tự vẫn. Qua những trước tác hay những sự kiện ông tham gia, Đỗ Huy Liêu cũng được biết đến là một người có nhiệt thành với tín ngưỡng Mẫu Liễu, mà quê hương Nghĩa Hưng của ông là nơi phát nguồn. Lần này, với sự hiện diện của *Xã binh bì ký* trong khuôn viên Phủ Giáp Ba, chúng ta biết thêm về một trước tác của ông liên quan đến Mẫu Liễu. Lạc khoản trên bia ghi như sau: *Thành Thái tứ niên nhuận lục nguyệt thất nhật, Kỷ Mão ân khoa tứ Độ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, nguyên lãnh Nội các sự vụ Đỗ Huy Liêu* (杜輝瓌)⁽²⁹⁾ *Ông Tích bái soạn* (Ngày 7 tháng 6 nhuận năm Thành Thái 4, Đỗ Huy Liêu - hiệu là Ông Tích, đỗ Độ nhị giáp tiến sĩ ân khoa năm Kỷ Mão [Tự Đức 32, 1879], nguyên là Nội các sự vụ - kính cẩn soạn).

Nội dung của bia gồm các phần như sau: 1. Trình bày về vị trí của ngôi miếu (phủ thờ) *Độ tam tiên chúa* tại Giáp Ba trong tổng thể các nơi thờ phụng tại vùng Nam Định; 2. Giới thiệu về tổ chức của Hội lính (*Binh hội*) ở Bảo Ngũ, và việc cúng ruộng thờ của hội cho Phủ Giáp Ba (nhân đó thì quy đổi những thửa ruộng đất nhỏ lẻ của Phủ Giáp Ba nằm rải rác ở các nơi cách xa nhau thành những miếng lớn, và phân công người canh tác cũng như lo việc hương hỏa). 3. Liệt kê tên và chức danh của những người đã công đức (như tổng quản, phó quản, đội trưởng, ngũ trưởng,...).

Phần nội dung thứ nhất của văn bia *Xã bình bi ký* có ý nghĩa thú vị, ở chỗ: đây là đoạn văn bản cho chúng ta biết được suy nghĩ hay quan niệm về *Đệ tam tiên chúa* của bản thân Đỗ Huy Liêu cũng như người ở khu vực phủ Nghĩa Hưng tại thời điểm dựng bia (thập niên 1880-1890). Về cụ thể, xin dẫn nguyên đoạn đầu của bài văn bia (qua bản tạm dịch của chúng tôi):

“Đền miếu của *ba vị tiên chúa Thiên Bản* tọa lạc ở Vân Cát và Tiên Hương, người trong cả huyện cùng thờ phụng. Bảo Ngũ là quê hương của câu chuyện linh dị về vị *tiên chúa thứ ba*, cho nên có đền thờ riêng ở đây. Đền miếu ở Vân Cát và Tiên Hương là nơi thờ phụng cả *ba tiên chúa*, là chung cho cả một huyện. Còn đền ở Bảo Ngũ là nơi phụng sự *Đệ tam tiên chúa*, là riêng của một làng”.⁽³⁰⁾

Như vậy là ở thời điểm mà *Đệ tam tiên chúa* linh hóa được khoảng một trăm năm, và làng Giáp Ba cũng nhận được sắc phong của triều đình nhà Nguyễn được mấy chục năm, thì trong quan niệm nói chung, đã hình thành bộ *ba vị tiên chúa ở huyện Thiên Bản* (nguyên văn của Đỗ Huy Liêu là *Thiên Bản tam tiên chúa* 天本三仙主). Ba vị gồm *đệ nhất*, *đệ nhị*, *đệ tam tiên chúa*, được thờ chung cả ở hai phủ Vân Cát và Tiên Hương. Còn riêng vị thứ ba, tức *Đệ tam tiên chúa*, thì gắn riêng với Bảo Ngũ nên được thờ riêng tại đây. *Đệ tam tiên chúa* này được hiểu như là vị thứ ba trong *ba vị tiên chúa huyện Thiên Bản* cùng được thờ ở Vân Cát và Tiên Hương. Mỗi quan hệ giữa Giáp Ba và Vân Cát - Tiên Hương về mặt thờ phụng là như vậy.

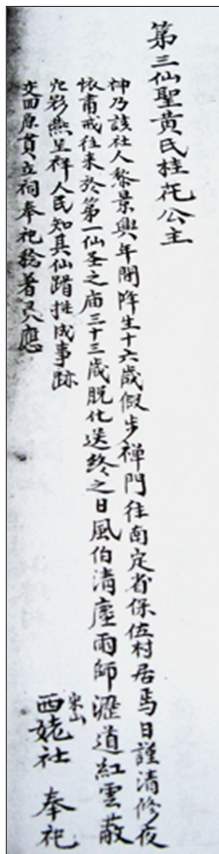
Văn bia của Đỗ Huy Liêu không nhắc gì đến Nga Sơn trong tư cách là quê gốc của tiên chúa, hay là đối tượng giao hiếu với các làng Giáp Ba - Vân Cát - Tiên Hương. Thực tế thì, từ nội dung 3 tấm bia hiện còn ở Phủ Giáp Ba đều không thấy ghi chép về giao lưu qua lại giữa Giáp Ba và Nga Sơn, ít nhất là trong khoảng thời gian các tấm bia ấy được dựng (từ năm 1871 đến năm 1892). Tuy nhiên, các câu chuyện về việc giao hiếu trước năm 1945 của hai địa phương mà hiện nay chúng tôi đang nghe thấy cả ở Giáp Ba và Nga Sơn, từ lớp người cao tuổi (trên 80 tuổi), có lẽ là sự thực. Việc giao hiếu này chắc đã có từ sớm, có thể là ngay sau khi *Đệ tam tiên chúa* đã hóa, nhưng nó không được phản ánh vào trong hệ thống bi ký, ngọc phả hiện còn.

4. Ghi chép trong *Thanh Hoa chư thần lục* (1903)

Trở lên, chúng ta đã tiếp xúc với hệ thống văn bản liên quan trực tiếp tới hai địa phương là Nga Sơn và Nghĩa Hưng, mặc dù có sự tham gia hay thậm chí trở thành nhân vật quan trọng trong quá trình chế tác của người ở bên ngoài (Nguyễn Tuấn Tham, Đỗ Huy Liêu...), và có sự hiện diện của các sắc phong từ triều đình đại diện cho tính quan phương cũng như uy quyền thể tục của quốc gia, nhưng vẫn cần tham khảo thêm ở những tư liệu ở phạm vi rộng hơn. Chẳng hạn, với Nghĩa

Hưng thì là những ghi chép về tỉnh Nam Định hay phủ Nghĩa Hưng (như *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* của Nguyễn Xuân Ôn viết năm 1893, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* của Khiếu Năng Tĩnh mang lời tựa năm 1915, *Nam Định địa dư chí* của Ngô Giáp Đậu soạn năm 1916,⁽³¹⁾ hay phần Nam Định trong *Đại Nam nhất thống chí...*), còn với Nga Sơn thì những ghi chép về tỉnh Thanh Hóa hay phủ Hà Trung trước đây (như *Thanh Hoa chư thần lục* chép năm 1903, *Thanh Hoa danh thắng lục*, *Thanh Hóa tỉnh chí*, *Ái Châu bi ký* hoàn thành năm 1909, *Thanh Hóa kỷ thắng* và *Thanh Hóa quan phong* của nhóm Vương Duy Trinh soạn đầu thế kỷ XX...). Đây là mảng tư liệu tham khảo ngoại vi, tình trạng văn bản phức tạp, cần có thêm nhiều thời gian để khảo cứu.

Ở đây, chúng tôi chỉ sơ lược giới thiệu về *Thanh Hoa chư thần lục* 清華諸神錄 với những ghi chép liên quan đến việc thờ phụng ba vị tiên chúa, đặc biệt vị thứ ba, tại xứ Thanh. Hiện tại, trong số tư liệu ngoại vi kể trên, chúng tôi mới chỉ xác định được đây là tư liệu có ghi chép riêng và tương đối rõ về *Đệ tam tiên chúa* ở Nga Sơn, lại đang được bảo quản ở một kho sách uy tín.



Ảnh 20: Đoạn về Đệ tam tiên thánh trong *Thanh Hoa chư thần lục*.

Trong kho sách Hán Nôm của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thanh Hoa chư thần lục* hiện được bảo quản dưới ký hiệu VHv.1290, là một bản sao vào năm Thành Thái 15 (1903). Sách là một tập hợp mang tính tổng quan về các vị thần được thờ phụng trong tỉnh Thanh Hóa (Thanh Hóa) tính đến thời điểm đó. Thông tin chủ yếu là tên hiệu, sự tích giản lược (nếu có) và địa điểm thờ phụng của các thần. Sách phân làm hai phần chính: phần trên ghi về các nam thần với tên gọi là *duyong vị*, phần dưới ghi về các nữ thần với tên gọi là *âm vị*. Ở phần *âm vị*, có một số tổ hợp hay hệ/bộ nữ thần được liệt kê, như: *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thánh nương*, *Liễu Hạnh công chúa*, *Nguyệt Nga công chúa*, các vị thần xuất thân thực tế từ hoàng cung (thái hậu, hoàng thái hậu, vương phi, công chúa...). Từ kết quả khảo sát văn bản, chúng tôi tạm xếp một nhóm gồm 9 tên thần được thờ phụng tại Thanh Hóa như trong *Bảng 1* dưới đây vào hệ thần *Liễu Hạnh công chúa*. Trong đó, 4 vị đầu (đánh số từ 1 đến 4) thì được xếp lên trên đầu phần *âm vị* của *Thanh Hoa chư thần lục*, và cũng được xếp liền vào một chỗ. Có thể người soạn sách đã có ý muốn xếp các vị thần này (có liên đới với nhau) vào cùng trong một trường hay một hệ. Còn 5 vị tiếp theo (đánh số từ 5 đến 9 trong *Bảng 1*) thì được xếp rải ra ở nhiều chỗ trong sách, chúng tôi nhận thấy có mối liên đới nên xếp cùng vào bảng.

Qua tổng hợp ghi chép của *Thanh Hoa chư thần lục* đối với hệ thần *Liễu Hạnh công chúa*, có thể đưa ra ba điểm lưu ý sau.

Một là, tên vị nữ thần của làng/xã Tây Mỗ được ghi trong sách là *Đệ tam tiên thánh Hoàng thị Quế Hoa công chúa* 第三仙聖黃氏桂花公主. Hãy chú ý đến những chữ “Hoàng thị” và “Quế Hoa”. Sự tích của thần được lược thuật như sau (chúng tôi dịch trọn vẹn): “Thần là người xã Tây Mỗ. Giáng sinh thời Lê Cảnh Hưng. Năm 16 tuổi vào cửa Phật, đi tới sống ở thôn Bảo Ngũ tỉnh Nam Định. Ban ngày thì một lòng thành kính thanh tu, ban đêm thì cẩn trọng giữ giới. Thường lai vãng tới đền thờ *Đệ nhất tiên thánh* (第一仙聖). Năm 33 tuổi thì thoát hóa. Ngày đưa đám, gió cuốn sạch bụi, mưa tuôn quét đường, mây hồng che huyết mộ, chim yến bay lượn. Nhân dân biết đó là dấu của tiên, soạn thành *sự tích* giao về cho nguyên quán, rồi lập đền thờ phụng, linh ứng rõ ràng”.

Bảng 1: Thống kê các nữ thần hệ Liễu Hạnh trong Thanh Hoa chư thần lục (ký hiệu VHv.1290 - Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

Stt	Tên thần	Nơi thờ	Sự tích lược thuật
1	Liễu Hạnh công chúa thượng đẳng thần	48 nơi (Tống Sơn: xã Cổ Đàm...; Nga Sơn: Hà thôn, Thổ Khối...; Thạch Thành: xã Phố Cát...)	Ghi trong 4 dòng: người Thiên Bản, đời Lê, được phong <i>Mã Vàng công chúa</i> , <i>Chế thắng Diệu hòa đại vương</i> .
2	Đệ nhị ngọc nữ Quỳnh Cung phu nhân tôn thần	10 nơi (Tống Sơn: xã Cổ Đàm...; Nga Sơn: Thạch Giản...; Thạch Thành: xã Phố Cát...)	Ghi trong 2 dòng: xuống trần theo <i>Liễu Hạnh công chúa</i> , được các triều phong tặng.
3	Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung phu nhân tôn thần	16 nơi (Tống Sơn: xã Cổ Đàm...; Nga Sơn: Thạch Giản...; Thạch Thành: xã Phố Cát...)	Ghi trong 2 dòng: xuống trần theo <i>Liễu Hạnh công chúa</i> , được các triều phong tặng.
4	Đệ tam tiên thánh Hoàng thị Quế Hoa công chúa	1 nơi (xã Tây Mỗ/Mỗ huyện Tống Sơn)	Ghi trong 4 dòng: là người xã Tây Mỗ, sinh thời Cảnh Hưng, sau ra Bảo Ngũ và linh hóa ở đó năm 33 tuổi.
5	Đệ nhị ngọc nữ Thụy Cung phu nhân tôn thần	1 nơi (Thôn Am thuộc Ngọc Sơn)	Không ghi sự tích
6	Đệ tam Quế Hoa công chúa	4 nơi (Vĩnh Lộc: Thạch Bằng, Đông Trung...; Nga Sơn: Nam Sơn)	Không ghi sự tích
7	Quế Anh phu nhân	5 nơi (Tống Sơn: Đồng Vụ, Hoàng Cương, Phố Điền Đoài; Ngọc Sơn: Hào Vĩnh, Trúc Cảnh)	Không ghi sự tích
8	Quỳnh Anh phu nhân	4 nơi (Nga Sơn: Bái Nãi, Xuân Áng; Lôi Dương: Đại Lý; Ngọc Sơn: Các thôn)	Không ghi sự tích
9	Quế Hoa phu nhân	1 nơi (Hào thôn)	Không ghi sự tích

Với thần tích lược thuật và tên hiệu của thần *Đệ tam tiên thánh Hoàng thị Quế Hoa công chúa* như trên (số 4 trong *Bảng 1*), chúng tôi phỏng đoán rằng, người biên soạn *Thanh Hoa chư thần lục* đã có điều kiện tham khảo *sự tích* được lưu giữ ở bản quán của tiên thánh thuộc tỉnh Thanh Hóa. Sự tích đó có thể chính là ngọc phả Nga Sơn đã trình bày ở trên, hoặc là một văn bản tương tự như vậy. Ngay cả câu chữ (bằng Hán văn) của đoạn lược thuật trong *Thanh Hoa chư thần lục* cũng tựa như được trích thẳng từ ngọc phả Nga Sơn sang.

Hai là, bên cạnh yếu tố “Hoàng thị” (họ Hoàng) được nhấn mạnh trong tên hiệu của thần, thì ghi chép của *Thanh Hoa chư thần lục* không nhắc đến việc đền thờ tại Tây Mỗ được phong tặng gì từ triều đình. Không rõ là ở thời điểm sách này được sao (1903) thì Phủ Tây Mỗ đã được nhận sắc phong của triều Nguyễn hay chưa. Chúng ta chưa thấy bóng dáng của sắc phong trong ghi chép này, tức là chưa thấy sự xuất hiện của tên hiệu *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung Quế Anh phu nhân* hay các mỹ tự như thấy trong sắc phong cho Bảo Ngũ và Bất Di. Ở đây, thần vẫn mang tên hiệu là *Hoàng thị Quế Hoa công chúa*. Nói cách khác, ở *Thanh Hoa chư thần lục*, chúng ta lại một lần nữa xác nhận được rằng, *Quế Hoa công chúa* của ngọc phả (ngọc phả Nga Sơn) chưa tiến triển thành *Quế Anh phu nhân* của sắc phong.

Ba là, *Hoàng thị Quế Hoa công chúa* chỉ được thờ duy nhất ở Tây Mỗ, sách không ghi đến các nơi thờ tự khác ở trong tỉnh Thanh Hóa. Trong khi đó, bộ ba thuộc hệ *Liễu Hạnh công chúa* (gồm *Liễu Hạnh công chúa thượng đẳng thần*, *Đệ nhị ngọc nữ Quỳnh Cung phu nhân tôn thần*, *Đệ tam ngọc nữ Quảng Cung phu nhân tôn thần*) thì được thờ chung ở hai nơi nổi tiếng trong xứ Thanh đó là xã Cổ Đàm ở huyện Tống Sơn và xã Phố Cát ở huyện Thạch Thành, tức là ở Sông Sơn và Phố Cát theo cách gọi quen thuộc. Trong bộ ba này, Liễu Hạnh công chúa là vị đệ nhất với tên hiệu là *Mã Vàng công chúa*, còn hai vị sau được xem là xuống trần theo Liễu Hạnh. Cả ba đều đã được các triều phong tặng.

Nếu so sánh với “bia 3” do Đỗ Huy Liêu soạn trong nhóm bi ký Giáp Ba đã trình bày, chúng ta sẽ thấy rằng, ở thời điểm các năm 1892 - 1903, ở vùng Nghĩa Hưng, người ta đã đi đến một cách hiểu mang tính dung hòa là: ba vị tiên chúa đều được thờ ở Vân Cát - Tiên Hương (là Phủ Giày Vân Cát và Phủ Giày Tiên Hương theo cách quen gọi), còn vị thứ ba trong ba vị này thì được thờ riêng tại Phủ Giáp Ba. Thế nhưng, ở vùng Nga Sơn, thì tựa như không thấy một cách hiểu như vậy. *Đệ tam tiên thánh Hoàng thị Quế Hoa công chúa* trong *Thanh Hoa chư thần lục* rõ ràng là vị tiên chúa thứ ba (đệ tam), nhưng quan hệ của vị này với ba vị cùng được thờ tại Sông Sơn và Phố Cát (Liễu Hạnh, Quỳnh Cung, Quảng Cung) như thế nào thì chưa rõ. Từ các sắc phong nguyên vật hoặc bản sao sắc phong ở các đền phủ khác (đền Phố Cát, Phủ Tây Hồ, Phủ Nấp) mà chúng tôi đã khảo sát [Chu Xuân Giao 2010b], và từ các sắc phong của Giáp Ba và Bất Di đã trình bày ở bài viết

này, chúng tôi biết rằng, *Quảng Cung phu nhân* cũng tức là *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*. Cho nên, vị thứ ba được thờ tại Sông Sơn và Phố Cát theo như *Thanh Hoa chư thần lục* ghi là *Quảng Cung phu nhân*, thì đó chính là *Quảng Cung Quế Anh phu nhân*. Thế nhưng, *Thanh Hoa chư thần lục* không cho thấy rõ mối liên đới giữa *Quế Hoa công chúa* với *Quế Anh phu nhân*. Giả như soạn giả sách này có cách hiểu như của Đỗ Huy Liêu, thì khi nhắc đến *Quế Hoa công chúa*, hẳn sẽ ghi vị thần này cũng được thờ tại Sông Sơn và Phố Cát, mà không chỉ có mỗi một nơi là Tây Mỗ.

Thay lời kết: Kết cấu kép ở trung tâm của truyền thuyết

Chúng ta đã đi hết một vòng khảo sát bằng cái nhìn tổng quan đối với toàn bộ số tư liệu viết hiện có của hai miền Nghĩa Hưng và Nga Sơn về cùng một nữ thần có xuất nguồn từ cuộc đời thực của một cô gái họ Hoàng ở Tây Mỗ sống cuối thời Lê trung hưng sang thời Tây Sơn. Một quá trình thần hóa hay tín ngưỡng hóa mang sử tính gồm ba chặng như sau đã được xác nhận qua phân tích và đối chiếu tư liệu. Đó là:

1) Đầu tiên, xuất phát là nhân vật Hoàng Thị Thứu (Thúc, Khiếu, Khứu) ra đời vào thời Cảnh Hưng (Cảnh Hưng 28 = 1768), ở Tây Mỗ (thuộc Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa), với nhiều linh dị bẩm sinh từ lúc chào đời;

2) Đã mất ở Giáp Ba (thuộc phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định) cũng với nhiều linh dị, vào ngày 9 tháng 3 năm Kỷ Mùi thời Cảnh Thịnh (1799). Trước khi mất thì xưng tên là “Hoàng Quế Hoa tiên nữ đệ tam ở thiên cung (*Thiên cung đệ tam tiên muội Hoàng Quế Hoa*)”. Ngay sau đó, được một nho sĩ ở Nam Định soạn thành thần tích. Đó là lớp thần tích sớm, ra đời vào thời Tây Sơn, ngay sau khi bà mất, nhấn mạnh yếu tố *Hoàng thị*. Trong thần tích này, bà trở thành *Đệ tam tiên chúa Hoàng thị Quế Hoa công chúa*. Dân chúng thờ bà với tên *Đệ tam tiên nữ* (hay *Đệ tam tiên chúa*) có tên hiệu là *Hoàng Quế Hoa công chúa*;

3) Tiếp theo, bà bước vào *hệ thần Liễu Hạnh* với tư cách là *Đệ tam tiên chúa [thánh mẫu] Quảng Cung Quế Anh phu nhân* ở lớp thần tích muộn và hệ thống sắc phong thời Nguyễn. Nhắc thêm một lần nữa: *Quế Hoa công chúa* là gắn với lớp thần tích sớm soạn thời Tây Sơn (bởi nho sĩ Nguyễn Tuấn Tham), còn *Quế Anh phu nhân* là gắn với lớp thần tích muộn và sắc phong ở thời Nguyễn.

Rút gọn hơn, có thể đưa một lược đồ tổng quát như sau: 1) **Hoàng Thị Thứu** (thời Cảnh Hưng, gắn với Tây Mỗ) → 2) **(Hoàng thị) Quế Hoa công chúa** (thời Tây Sơn, gắn với Giáp Ba và Tây Mỗ) → 3) **(Quảng Cung) Quế Anh phu nhân** (thời Nguyễn, gắn với các đền phủ hệ thần Liễu Hạnh trong toàn quốc).

Bây giờ, khi đã xác nhận được một quá trình như vậy, chúng ta cần đi đến một trong những vấn đề cơ bản trong truyền thuyết về *tổ hợp thần* hay *hệ thần Liễu*

Hạnh. Đó là, vậy thì, vị nữ thần được đồng thời thờ tại Tây Mỗ (Thanh Hóa) và Giáp Ba (Nam Định) là vị tiên chúa thứ ba (tức là một trong hai người cùng xuống trần với Liễu Hạnh, để thành bộ ba thánh mẫu), hay là lần giáng sinh thứ ba của chính Liễu Hạnh. Có nghĩa là, *đệ tam tiên chúa* là một người em (người em thứ ba trong ba chị em) của Liễu Hạnh, hay chính là một lần giáng sinh (lần giáng sinh thứ ba) của Liễu Hạnh ?

Để tiếp tục truy vấn, mà cũng là một cách trả lời tạm thời cho câu hỏi trên, lần đầu tiên, ở bài viết này, chúng tôi thấy cần thiết đề xuất một cách hiểu như sau về *hệ thần Liễu Hạnh* (từ đây trở đi cũng có thể gọi tắt là *hệ Liễu Hạnh*). Đó là, về mặt cấu tạo truyền thuyết, hệ thần Liễu Hạnh mang một kết cấu kép. Có nghĩa là, có một lớp kết cấu hệ Liễu Hạnh gồm ba ngôi, là *đệ nhất*, *đệ nhị*, *đệ tam* (1. **Liễu Hạnh**; 2. **Quỳnh Cung** hay **Châu Quỳnh**; 3. **Quế Anh** hay **Châu Quế**). Đồng thời, lại có một lớp kết cấu hệ thần Liễu Hạnh gồm ba lần sinh hóa (*đệ nhất giáng sinh*, *đệ nhị giáng sinh*, *đệ tam giáng sinh*). Đó là phần cấu tạo ở trung tâm của hệ thần Liễu Hạnh. Nếu tính đến những vòng ngoại vi, thì sẽ thấy truyền thuyết của hệ thần Liễu Hạnh có cấu trúc đa tầng/đa lớp (như lớp cô cậu, lớp hoàng, lớp quan, lớp sơn trang...).

Với cách hiểu như trên, hiện tại, về mặt truyền thuyết, chúng tôi tạm thời xem *Quế Hoa công chúa* hay *Quế Anh phu nhân* có xuất thân ở vùng Nga Sơn (Thanh Hóa) đồng thời vừa là vị tiên chúa thứ ba trong hệ thần Liễu Hạnh, lại vừa là lần giáng sinh thứ ba của chính Liễu Hạnh (gắn với thuyết *tam thế giáng sinh*). Để đi sâu thêm vào nội dung và diễn tiến trong lịch sử của kết cấu kép ở trung tâm của hệ thần Liễu Hạnh, xin dành cho những nghiên cứu tiếp theo. /.

C X G

CHÚ THÍCH

- (1) Về phủ Nghĩa Hưng trong tỉnh Nam Định, có thể tham khảo các tài liệu địa chí của Nguyễn Ôn Ngọc và Khiếu Năng Tĩnh (Nguyễn Ôn Ngọc 1893, Khiếu Năng Tĩnh 1915).
- (2) Ở phần mở đầu của “Cát thiên tam thế thực lục quốc âm” trong sách *Cát thiên tam thế thực lục* có đoạn: “Nhớ xưa ở huyện Đại An//Xã là Trần Xá về miền Nghĩa Hưng//Đương năm Cảnh Thịnh sơ hưng//Cải làng Vĩ Nhuế phỏng chừng tam niên” [Quảng Cung Tiên Chúa linh từ 1913: 12a; Phan Hồng Giang 2008: 1]. Trong sách *Chư vị văn châu* có những câu như: “Vốn sinh về có phi phương//Giá danh đòi một hoa vương khôn bì//Ngụ thai quê Phủ Giày, Thiên Bản//Phủ Nghĩa Hưng là quán Sơn Nam//Trẻ thơ chưa biết thánh phàm//Đeo kinh còn viết đề làm dấu thiêng”, hay: “Vốn xưa Vân Cát thôn quê//Nghĩa Hưng, Thiên Bản họ Lê cải Trần” [Durand Maurice 1959: 225, 232-233].
- (3) Sau khi tiếp nhận Sông Chu ở ngã ba Bông, Sông Mã chia làm ba nhánh đổ ra biển: sông Đò Lèn, sông Lạch Trường, Sông Mã (Lê Bá Thảo 1977: 202).
- (4) Xem thêm trong Tài liệu Quốc ngữ ở địa phương 5: 2-4.
- (5) Các thành viên chính của đoàn điều tra lần đầu tiên gồm: Ngô Đức Thịnh (Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam), Nguyễn Thị Yên và Chu Xuân Giao (Viện

- Nghiên cứu Văn hóa), Ngô Bằng Phong (Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam), Phạm Minh Diệu (Đại học Hồng Đức), Lê Huy Dũng (Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa). Đón tiếp ở địa phương lần đầu tiên có các vị: Hoàng Đình Tảo (Chủ tịch xã Hà Thái), Nguyễn Văn Hải (Bí thư xã Hà Thái), Bùi Văn Ba (thủ từ Phủ Tây Mỗ), Vũ Thị Thêm (82 tuổi, cựu Bí thư xã Hà Thái), Mai Thị Ám (95 tuổi, người theo tín ngưỡng tứ phủ ở Tây Mỗ), Vũ Chương (74 tuổi, Hội Người cao tuổi xã Hà Thái), Hoàng Xuân Liệu (90 tuổi).
- (6) Theo lời kể của ông Nguyễn Phú (sinh năm 1944, hiện là Bí thư Chi bộ Bất Di).
 - (7) Tác giả bài viết chế tác từ bản đồ tỉnh Thanh Hóa trong Nxb Bản đồ 2005 (trang 39). Các khoanh không đánh số là khu vực Sông Sơn (phường Bắc Sơn thị xã Bỉm Sơn) và Phố Cát (xã Thành Văn huyện Thạch Thành).
 - (8) Theo hồi cố của bà Mai Thị Ám (lúc đó 95 tuổi, còn gọi là cụ Tiến Huân - Tiến là tên con trai, Huân là tên chồng), ông Hoàng Xuân Liệu (90 tuổi), ghi ngày 7/5/2011, tại đình làng trong buổi làm việc chung giữa đoàn nghiên cứu và Ủy ban Nhân dân - Mặt trận Tổ quốc - Hội Người cao tuổi xã Hà Thái. Kết hợp với ghi chép hồi cố trên giấy của ông Vũ Chương (Tài liệu Quốc ngữ ở địa phương 4: 5-6).
 - (9) Ảnh do tác giả bài viết chụp. Tất cả ảnh trong bài này đều như vậy.
 - (10) Thông tin ghi tại từ đường họ Hoàng làng Tây Mỗ vào ngày 8/5/2011 (Chủ Nhật). Người trực tiếp cho biết thông tin này là cụ Nguyễn Thị Đỗ đã gần 90 tuổi (lúc đó), tai và mắt đã yếu.
 - (11) Dẫn đường cho chúng tôi là em Hoàng Thị Hà (sinh năm 1984), con của ông Hoàng Văn Hân. Hà có căn đồng từ nhỏ, hiện nay theo nghề tâm linh.
 - (12) Khi chúng tôi đến, cụ Nguyễn Hoàng Thước mới qua đời (thọ trên một trăm tuổi). Người con trai của cụ là ông Nguyễn Hoàng Hồng và phu nhân tiếp chúng tôi.
 - (13) Nguyên văn: *thị niên hữu Nam Chân huyện Tang Trữ xã nhân Giám sinh hiệu Khắc Trai Nguyễn Tuấn Tham khảo sự tích, soạn thành nhất bản* (trang 4).
 - (14) Nguyên văn: *Kỷ Mùi hạ chi nhật, dư thừa lương, tưng bộ phong vu áp chi hư, hốt ư thị tứ trung văn chư điệt ngãi* (trang 4-5).
 - (15) Xem các văn bản của dòng họ Mai Anh Tuấn, như Mai Văn 2010, Mai Hồng 2010.
 - (16) Từ năm Tự Đức 15 (1862), huyện Thiên Bản được đổi tên thành huyện Vụ Bản. Vì thế, ở thời điểm Tự Đức 10 (1857), tên huyện vẫn là Thiên Bản.
 - (17) Lúc này (sau năm 1862), tên huyện đã chuyển thành Vụ Bản.
 - (18) Ảnh chụp từ Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 1.
 - (19) Nguyên văn: *Dân xã dĩ cư cận Bảo Ngũ xã Tam giáp tối linh từ, thứ dân tử lai chiêm bái, kỳ đảo võng bất thông nghiệm. Ư Tự Đức thập thất niên tuế Giáp Tý tam nguyệt sơ cửu nhật, dân xã thân nghệ y xã Tam giáp phủ từ cung thỉnh duệ hiệu cập sự tích nghênh hồi phụng tự*.
 - (20) Trích chụp từ Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 1.
 - (21) Trích chụp từ Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 2.
 - (22) Chúng tôi đã làm việc nhiều lần với hai người con trai là Mai Hữu Hồng và Mai Hữu Tuấn, người mẹ là Nguyễn Thị Nuôi (79 tuổi - năm 2011).
 - (23) Ngoài 3 tấm có mang văn tự, cũng trong khu vực này, chúng tôi còn thấy một tấm bia không có văn tự. Ở thời điểm tháng 6 năm 2011, bia không có văn tự được để tạm ở khoảng đất trống ở trước cổng Phủ Giáp Ba.
 - (24) Ảnh chụp tháng 6 năm 2011, tác giả gia bút các chữ “Phủ Tổ” và “Phủ Giáp Ba”.
 - (25) Ảnh chụp tháng 6 năm 2011, tác giả gia bút các chữ “Bia 1”, “Bia 2”, “3” (tức Bia 3).

- (26) Trên nguyên bản văn bia, chỉ đọc rõ chữ Bình, còn chữ Dần là do đoán tự dạng chữ và tính toán khớp với can chi của năm dựng bia (Tự Đức 24, Tân Mùi).
- (27) Chúng tôi đánh dấu chữ “Tây Mỗ” bằng hai đường kẻ ngắn song song màu đỏ.
- (28) Theo tư liệu gia phả của họ Đỗ thì ông mất năm Tân Mão 1891. Bản trực tuyến của gia phả này có thể xem tại địa chỉ: <http://www.vietnamgiapha.com/XemChiTietTungNguoi/1230/69/%C4%90%E1%BB%97%20Huy%20Li%C3%AAu.html>.
- (29) Tên của Đỗ Huy Liêu 杜輝寮 có thể thấy trên bia đề danh tiến sĩ tại Huế (tự dạng chữ Liêu 寮 trên bia tiến sĩ có khác một chút với bia tại Giáp Ba 璫; cũng khác một chút với bản ghi trong sách của Phan Bội Châu 儵). Bản trực tuyến của tấm bia ở Huế có thể xem tại địa chỉ: <http://hannom.vass.gov.vn/noidung/vankhac/Pages/bai-viet.aspx?ItemID=165>.
- (30) Phiên âm nguyên văn: *Thiên Bản tam tiên chúa miếu ư Vân Cát Tiên Hương, huyện chi nhân tự chi. Bảo Ngũ đệ tam tiên truyện linh chi hương đã, cổ biệt miếu yên. Vân Cát Tiên Hương chi miếu tam tiên chúa chi miếu, nhất huyện chi công đã. Bảo Ngũ chi miếu đệ tam tiên chúa chi miếu, nhất hương chi tự đã.*
- (21) Về ba cuốn này, có thể xem giới thiệu sơ lược trong Hoàng Dương Chương 2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Giao, 2010a, “*Quảng Cung linh từ* trong nguồn tư liệu Hán Nôm: Sơ bộ tổng quan đến thời điểm ấn tống *Cát thiên tam thế thực lục* (1913)”, In trong Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Tín ngưỡng Việt Nam - Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định 2010 (*Phủ Quảng Cung trong hệ thống Đạo Mẫu Việt Nam*), pp. 90-153.
2. Chu Xuân Giao, 2010b, “Bổ túc tư liệu về thời điểm xuất hiện của Phủ Tây Hồ: Bàn về tính xác thực của sắc phong mang niên đại 1887 và hiệu chỉnh nội dung của nó”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 6 (103), pp. 63-74.
3. Chu Xuân Giao, 2013, “Mẫu Liễu Thanh Sam: Bước đầu nghiên cứu về nhóm văn bản chép sự tích *Liễu Hạnh công* chúa xuất hiện từ thời Lý”, In trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á: Bản sắc và giá trị* (Hội Folklore châu Á, Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Tín ngưỡng Việt Nam, 2013, Hà Nội, Nxb Thế giới), pp. 326 - 341.
4. Chu Xuân Giao - Phan Lan Hương, 2013, “Mẫu Liễu với sự kiện phát hiện ngọc phả bằng đồng ở đền Sòng năm 1939: Bối cảnh, nội dung và dư luận”, In trong *Thông báo Văn hóa 2011-2012* (Viện Nghiên cứu Văn hóa - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2013, Hà Nội, Nxb Tri thức), pp.307-345.
5. Durand Maurice, 1959, *Technique et Panthéon des Médioms Vietnamiens* (Đồng) [*Kỹ thuật và điện thờ của Đồng ở Việt Nam*], Publications De L'école Française D'extrême-Orient, Volume XLV, École Française D'Extrême-Orient.
6. Đỗ Huy Vinh (Vân Hoàng cư sĩ), 2001, *Cát thiên tam thế thực lục* (Ghi sự tích Phủ Quảng Cung Vĩ Nhuê - xã Yên Đồng, Bản phiên dịch theo quốc âm), Bản chế bản điện tử, Bản gốc lưu tại Phủ Nấp, 24 trang khổ B5.
7. Hoàng Dương Chương, 2012, “Những đóng góp của Khiếu Năng Tĩnh trong *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*”, In trong Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám 2012, pp.173-187.
8. Khiếu Năng Tĩnh (Dương Văn Vượng dịch), 1915, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Phòng Địa chí - Thư mục Thư viện tỉnh Nam Định chỉnh lý và chế bản, File PDF của Thư viện tỉnh Nam Định gồm 168 trang.

9. Khuyết danh, 1940 (Bảo Đại 15), *Vân Cát Lê gia ngọc phả* 雲葛黎家玉譜, Sách chép tay gồm 11 trang mang ký hiệu A.3181 hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
10. Khuyết danh, 1941, *Vân Hương thánh mẫu thực lục tân biên*, Imprimerie de Hanoi (85 Rue du Coton - Hanoi), Bìa sách ghi "1941" nhưng cũng lại ghi "Năm Bảo Đại thứ 14 - tháng 7" (tức tháng 7 năm 1939).
11. Khuyết danh (Hoàng Hồng Cầm dịch), 1995, "Gia phả dòng họ Lê thôn Vân Cát xã An Thái huyện Thiên Bản trấn Sơn Nam Hạ", Bản chế bản điện tử đóng vào phần "Phụ lục" trong Nguyễn Đình San 1995 (*Việc phụng thờ Mẫu Liễu ở Phủ Giầy*), pp.152-157 (là bản dịch tiếng Việt của tài liệu [9], tức cuốn *Vân Cát Lê gia ngọc phả* mang ký hiệu A.3181 lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
12. Khuyết danh (Lê Trung Tiến viễn tôn Lê tộc cần tấu), 2006, *Sự tích Vân Hương thánh mẫu tam thế giáng sinh*, Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin.
13. Kiều Oánh Mậu, 1910, *Tiên phả dịch lục* 仙譜譯錄, In mộc bản, Bản hiện lưu tại Thư viện Quốc gia với ký hiệu R.289.
14. Lê Bá Thảo, 1977, *Thiên nhiên Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
15. Lê Xuân Quang, Dương Văn Vượng, 1998, *Tuyển câu đối (thờ) tỉnh Nam Định*, Nam Định, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định.
16. Mai Hồng, 2010, "Một dòng tộc từ đất Thạch Giản, Nga Sơn, Thanh Hóa tới đất Lang Miếu, Thịnh Hào, Đông Đô, Hà Nội", In trong Mai Vân (Sưu tầm và biên soạn) 2010, pp.10-26.
17. Mai Vân (Sưu tầm và biên soạn), 2010, *Thám hoa Mai Anh Tuấn*, Hà Nội, Nxb Quân đội Nhân dân.
18. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên), 2002, *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin.
19. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên), 2004, *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
20. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên), 2007, *Đạo Mẫu* (The Mẫu Religion in Vietnam), Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
21. Ngô Đức Thịnh, 2009, *Đạo Mẫu Việt Nam* (Tập1), Hà Nội, Nxb Tôn giáo.
22. Ngô Đức Thịnh, 2010, *Đạo Mẫu Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Tôn giáo.
23. Nguyễn Ôn Ngọc, 1893, *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*, Phòng Địa chí Thư viện tỉnh Nam Định dịch và chế bản, File PDF của Thư viện tỉnh Nam Định gồm 113 trang.
24. Nxb Bản đồ, 2005, *Tập bản đồ hành chính Việt Nam* (Tập bản đồ hành chính 64 tỉnh, thành phố), Hà Nội, Nxb Bản đồ.
25. Phan Hồng Giang (Ban Tôn giáo chính quyền tỉnh Nam Định) phiên âm và dịch nghĩa, 2008, *Cát thiên tam thế thập lục diển âm*, Bản chế bản điện tử, Bản gốc lưu tại Phủ Nấp, 24 trang khổ B5.
26. Quảng Cung Tiên Chúa linh từ, 1913, *Cát thiên tam thế thực lục* (Bản in khắc gỗ, 48 tờ/96 trang, khổ 22x18) bản gốc lưu tại Phủ Nấp 葛天三世寔錄,南定義興大安媽訥,廣宮仙主靈祠藏板,皇南維新癸丑仲春奉鐫.
27. Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Tín ngưỡng Việt Nam - Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, 2010, *Phủ Quảng Cung trong hệ thống Đạo Mẫu Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Tôn giáo.

28. Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 1, 1921 (sao chép), *Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phả* 皇族承抄第三僊聖生日目錄譜 (bìa ngoài màu đỏ, bên trong có đoạn văn *Phụng tán Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn*). Văn bản gồm 9 trang giấy dó bút lông khổ nhỏ hiện lưu tại gia đình cụ Nguyễn Hoàng Thước/Nguyễn Hoàng Hồng ở xóm Nga Châu xã Hà Châu huyện Hà Trung (bản gốc đã nát nhiều, bìa ngoài cũng đã nát, ở cuối có ghi tên người sao chép là Nguyễn Tất, sao năm Khải Định 6 tức năm 1921; xem và chụp tại gia đình ngày 8/5/2011).
29. Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 2, Không rõ năm tháng sao chép, *Đệ tam tiên chúa ngọc phả* 第三僊主玉譜 (bên trong ghi *Tam Giáp đệ tam vị tiên chúa ngọc phả*). Văn bản gồm 6 trang giấy dó bút lông khổ nhỏ hiện lưu tại nhà ông Mai Chính (trưởng chi hai họ Mai; ngụ tại đường Trần Huy Liệu, TP Nam Định; tình trạng văn bản khá tốt, xem và chụp ngày 17/8/2011).
30. Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 3, không rõ năm tháng sao chép, *Phụng đọc Đệ tam tiên chúa văn tịnh dẫn* (bìa ngoài màu nâu). Văn bản gồm 18 trang giấy dó bút lông khổ nhỏ hiện lưu tại nhà ông Mai Chính (bản gốc đã hư hại nhưng vẫn đọc rõ các trang, đóng quyển bị lộn trang; xem và chụp ngày 17/8/2011).
31. Tư liệu Hán Nôm của dòng họ 4, không rõ năm tháng, Tập văn khấn của họ Nguyễn Hoàng ở Nga Châu xã Hà Châu huyện Hà Trung, gồm 7 trang chữ Hán viết xấu (tên tạm định, vì văn bản vốn không có tiêu đề, trong có nêu tên Liễu Hạnh Mã Vàng công chúa và tổ cô Hoàng thị Quế Hoa công chúa; bản gốc hiện lưu tại nhà cụ Nguyễn Hoàng Thước/Nguyễn Hoàng Hồng; xem và chụp ngày 8/5/2011).
32. Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 1, không rõ năm tháng, *Hoàng tộc gia phả* gồm 6 trang (Tư liệu viết tay trên giấy kẻ ô-ly vốn không đánh số trang, xem và chụp tại từ đường họ Hoàng ở thôn Tây Mỗ xã Hà Thái ngày 8/5/2011).
33. Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 2, 2007, *Gia phả họ Mai* gồm 50 trang tiếng Việt (Tư liệu viết tay vốn không đánh số trang, xem và chụp tại từ đường họ Hoàng ở thôn Tây Mỗ xã Hà Thái ngày 8/5/2011).
34. Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 3, không rõ năm tháng, “Trích lược gia phả chi họ Mai ở Thạch Giản Nga Sơn Thanh Hóa” (Mai Văn kính ghi chép). Tư liệu đánh máy gồm 3 trang khổ A4 (Bản gốc hiện lưu tại đền thờ Thám hoa Mai Anh Tuấn; xem và chụp ngày 11/6/2011).
35. Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 4, 1961 (sao lục), “Ngọc phả đức Đệ tam vị Tiên chúa làng Giáp Ba xã Bảo Ngũ Vụ Bản”. Tư liệu viết tay trên giấy kẻ ô-ly bằng mực tím gồm 4 trang khổ nhỏ hiện lưu tại nhà ông Mai Chính (bản gốc đã hư hại nhưng vẫn đọc khá rõ; cuối văn bản ghi thời gian sao lục là 2/10/1961; xem và chụp ngày 11/6/2011).
36. Tư liệu Quốc ngữ của dòng họ 5, không rõ năm tháng, “Sự tích đức tiên chúa” (tên tạm định, do văn bản không mang tiêu đề). Tư liệu viết tay bằng bút bi trên giấy kẻ ô-ly gồm 20 trang khổ nhỏ (bản gốc hiện lưu tại Phủ Tổ thuộc thôn Giáp Ba xã Quang Trung huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định, gia đình bà Nguyễn Thị Nuôi - con là Mai Hữu Hồng; xem và chụp ngày 17/8/2011).
37. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 1, 2002, “Lược sử Thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa” (Tư liệu viết tay gồm 4 trang trong sổ tay của ông Vũ Chương ở xã Hà Thái huyện Hà Trung, xem và chụp ngày 7/5/2011).

38. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 2, 2002, “Văn thánh mẫu đại vương Bà Liễu Hạnh” (Tư liệu viết tay gồm 2 trang trong sổ tay của ông Vũ Chương ở xã Hà Thái huyện Hà Trung, xem và chụp ngày 7/5/2011).
39. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 3, 2002, “Văn Cát thần nữ” (Tư liệu viết tay gồm 4 trang trong sổ tay của ông Vũ Chương ở xã Hà Thái huyện Hà Trung, xem và chụp ngày 7/5/2011).
40. Tài liệu Quốc ngữ ở địa phương 4, 2007, *Sưu tầm* (Người viết là Vũ Năng Tổng, người chịu trách nhiệm là Vũ Chương). Tư liệu viết tay trên giấy khổ A4 gồm 16 trang ghi ngày tháng và nơi biên soạn là “Tây Mỗ ngày 1 tháng 12.2007”, bản gốc hiện lưu ở Hội Người cao tuổi và Ban Văn hóa xã Hà Thái.
41. Tài liệu Quốc ngữ ở địa phương 5, *Phủ Mỗ nơi thờ Đệ tam thiên tiên Hoàng thị Quế Hoa công chúa* (Vũ Thị Hường, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Thanh Hóa biên soạn). Tài liệu chế bản trên giấy khổ A4 gồm 30 trang (nhận một bản sao vào ngày 7/5/2011 từ Ủy ban Nhân dân xã Hà Thái).
42. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 6, 2003, *Sự tích Thành hoàng Thánh mẫu có công làng Nga Châu thờ* (Ban sưu tầm biên tập làng Nga Châu xã Hà Châu, Phạm Tuấn - Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Thanh Hóa). Tài liệu chế bản điện tử trên giấy khổ A4 gồm 8 trang có đóng dấu xác nhận và dấu giáp lai của Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Thanh Hóa.
43. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 7, 2006, *Sự tích đền Thánh mẫu Nga Châu năm Bính Tuất 2006* (Phạm Xuân Thuế trưởng ban, Lê Hữu Căn sưu tầm biên soạn), Tài liệu chế bản điện tử trên giấy khổ A4 gồm 13 trang.
44. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 8, không rõ năm tháng, “Lược sử Thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa”. Ghi chép cá nhân gồm 3 trang viết tay của bà Nguyễn Thị Đỗ ở Tây Mỗ (xem và chụp ngày 8/5/2011 tại từ đường họ Hoàng thôn Tây Mỗ xã Hà Thái).
45. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 9, không rõ năm tháng, “Văn Cát thần nữ, Văn hóa dân gian, Bà chúa Liễu Hạnh”. Ghi chép cá nhân gồm 2 trang viết tay của bà Nguyễn Thị Đỗ ở Tây Mỗ (xem và chụp ngày 8/5/2011 tại từ đường họ Hoàng thôn Tây Mỗ xã Hà Thái).
46. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 10, 1996-2004, *Văn Nôm* gồm 66 trang. (Ghi chép cá nhân viết tay trên giấy kẻ ô-ly của bà Lê Thị Nông vốn không đánh số trang, ghi dần từ năm 1996 đến năm 2004, xem và chụp ngày 8/5/2011 tại từ đường họ Hoàng thôn Tây Mỗ xã Hà Thái).
47. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 11, không rõ năm tháng, “Văn Cát thần nữ”. Ghi chép gồm 4 trang trong sổ tay của ông Lê Văn Thát ở thôn Tây Mỗ/Bùi Sơn xã Hà Thái (xem và chụp ngày 7/5/2011 tại khuôn viên Phủ Tây Mỗ).
48. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 12, “Lễ kỵ Mẫu”. Ghi chép gồm 3 trang trong sổ tay của ông Lê Văn Thát ở thôn Tây Mỗ xã Hà Thái (xem và chụp ngày 7/5/2011 tại khuôn viên Phủ Tây Mỗ).
49. Tư liệu Quốc ngữ ở địa phương 13, 2005, *Phủ Bất Di thần tích Quảng Cung tiên chúa Quế Anh*. Văn bản chế bản điện tử gồm 9 trang khổ nhỏ và 2 trang khổ to hiện lưu tại Ban Quản lý Phủ Bất Di xã Quang Trung huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (ngoài bìa có xác nhận bằng chữ ký và con dấu của Tổng Thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam Dương Trung Quốc về việc đã nhận văn bản thần tích có tên nêu trên, đề ngày 15/6/2005; xem và chụp ngày 25/6/2011).
50. Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 1, “Thần tích Thần sắc thôn Giáp Ba làng Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định”. Tư liệu mang ký hiệu TTTS 6900 (bên trong đánh số trang bằng bút mực từ 822-849) có phần trên là Quốc ngữ và phần dưới là chữ Hán.

51. Tư liệu Viện Thông tin Khoa học Xã hội 2, “Thần tích Thần sắc làng Bất Gi tổng Bảo Ngũ huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định”. Tư liệu mang ký hiệu TTTS 6896 (bên trong đánh số trang bằng bút mực) có phần trên là Quốc ngữ và phần dưới là chữ Hán.
52. Tư liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1, *Thanh Hoa chư thần lục* 清華諸神錄, 382 trang, Bản sao năm Thành Thái 15 (1903), ký hiệu VHv.1290.

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, bằng việc phát hiện trở lại cuốn sách *Cát thiên tam thế thực lục* khắc in năm 1913 và những di văn liên quan ở Phủ Nấp (Vĩ Nhuế) huyện Ý Yên tỉnh Nam Định - một ngôi đền cách Phủ Giầy khoảng mười cây số - giới nghiên cứu đang chú ý đến hệ thống truyền thuyết *tam thế luân hồi* hay *tam thế giáng sinh* của Mẫu Liễu. Trong hệ thống này, lần giáng sinh thứ nhất của Mẫu Liễu được xem là ở Vĩ Nhuế (Phủ Nấp), lần thứ hai mới là Vân Cát (Phủ Giầy), và lần thứ ba là Tây Mỗ (Nga Sơn). Cần nhấn mạnh rằng, đây là hệ thống khác với hệ thống vốn quen biết lâu nay trong học giới gắn chặt với tác phẩm *Vân Cát thần nữ truyện* của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

Tiếp nối những nghiên cứu về lần giáng sinh thứ nhất ở Vĩ Nhuế, bài viết này lần đầu tiên công bố kết quả khảo sát điền dã về lần giáng sinh thứ ba ở Nga Sơn. Sau khi tổng hợp, giám định, và phân tích tư liệu văn bản thu thập được từ thực địa ở Thanh Hóa và Nam Định, bài viết đưa tới hai điểm mang tính lý luận như sau. *Một là*, đề xuất thuật ngữ “tổ hợp thần Liễu Hạnh” hay “hệ thần Liễu Hạnh”. *Hai là*, luận giải về kết cấu kép ở trung tâm của truyền thuyết hệ thần Liễu Hạnh. Hiện tại, do tính kết cấu kép ở trung tâm, chúng tôi nhận thấy rằng, *Đệ tam tiên chúa* (tức *Quế Hoa công chúa*, sau thành *Quế Anh phu nhân*) có xuất thân ở vùng Nga Sơn (Thanh Hóa) đồng thời vừa là vị tiên chúa thứ ba (trong bộ ba vị tiên chúa), lại vừa là lần giáng sinh thứ ba của chính Liễu Hạnh.

ABSTRACT

ON DUAL STRUCTURE IN THE CENTERS OF THE LEGEND OF THE “SYSTEM OF GODDESS LIỄU HẠNH”: ABOUT THE SURVEY OF LEGENDS ON THE THIRD GODDESS WORSHIPPED IN NGA SƠN AND NGHĨA HƯNG

In recent years, on rediscovering the book *Cát thiên tam thế thực lục* engraved in 1913 and related writings at Phủ Nấp temple (Vĩ Nhuế), Ý Yên district, Nam Định Province, about ten kilometers from Phủ Giầy temple, researchers are paying attention to the system of *tam thế luân hồi* (three cycles of samsara) or *tam thế giáng sinh* (three times of birth). In this system, the first birth of Mother Goddess Liễu Hạnh is said to be in Vĩ Nhuế (Phủ Nấp temple), the second is in Vân Cát (Phủ Giầy temple), and the third is in Tây Mỗ (Nga Sơn). It should be emphasized that this system is different from that of the story Vân Cát thần nữ truyện by Đoàn Thị Điểm.

Following closely studies on the first birth of Liễu Hạnh in Vĩ Nhuế, this article first publicize the results of the field survey on her third birth in Nga Sơn. After synthesizing, surveying, and analyzing documents collected from field trips in Thanh Hóa and Nam Định, the article presents two theoretical arguments; *firstly*, the term “group of Goddess Liễu Hạnh” or “system of Goddess Liễu Hạnh”; *secondly*, the interpretation of dual structure in the core of the legend of the “system of Goddess Liễu Hạnh”. At present, due to the dual structure, we find that *The Third goddess* (Princess Quế Hoa, then Lady Quế Anh) who came from Nga Sơn (Thanh Hóa Province) was the third goddess (in the triad of Goddesses) and also the third birth of Goddess Liễu Hạnh herself.